

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI & LẮP MÁY DẦU KHÍ
Số: 1020 /KCKL-TCKT
V/v: Công bố thông tin Nghị quyết Đại hội đồng Cổ
đồng thường niên năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí;

Mã chứng khoán: PXS

Địa chỉ trụ sở chính: 02, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Rạch Dừa, Tp Hồ Chí Minh;

Điện thoại : (0254) 3.848.404

Fax: (0254) 3.848.229

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Ngọc Huân – Phó Phòng Tài
chính Kế toán/Phụ trách CBTT

Địa chỉ : 02, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Rạch Dừa, Tp Hồ Chí Minh;

Loại thông tin công bố: 24h Bất thường Định kỳ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC MS) xin
công bố thông tin:

Ngày 12/06/2026, Đại hội đồng Cổ đông Công ty PVC-MS đã ban hành
Nghị quyết số 103/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ về việc Đại hội đồng Cổ đông thường
niên năm 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công
ty đại chúng tại đường dẫn <http://www.pvc-ms.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; GD (để b/c);
- Ban Kiểm soát;
- CBTT trên Website Cty;
- Lưu: VT, TC-KT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nguyễn Ngọc Huân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2026.

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí số 102/BB-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 12/6/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình sau tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty PVC-MS, cụ thể:

1. Thông qua Báo cáo số 64/BC-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026;

2. Báo cáo số 810/BC-KCKL-KTTM ngày 23/4/2026 về kết quả SXKD của Công ty năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2026:

Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2026:

ĐVT: Tỷ đồng.

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	3.114,00	
2	Doanh thu	3.120,00	
3	Lợi nhuận trước thuế	41,40	
4	Lợi nhuận sau thuế	41,40	
5	Nộp ngân sách Nhà nước	9,20	
6	Tiền lương BQ NLĐ (trđ/ng/thg)	22,47	
7	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	Không chia cổ tức	

3. Thông qua Báo cáo số 65/BC-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về tổng quát tình hình thực hiện Hợp đồng/ Dự án DSF-II;

4. Thông qua Báo cáo số 06/BC-KCKL-BKS ngày 23/4/2026 về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;

5. Thông qua Tờ trình số 68/TTr-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026;

6. Thông qua Tờ trình số 69/TTr-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

7. Thông qua Tờ trình số 100/TTr-KCKL-HĐQT ngày 09/6/2026 về sửa đổi Điều lệ Công ty;

8. Thông qua Tờ trình số 101/TTr-KCKL-HĐQT ngày 09/6/2026 về việc kiện toàn nhân sự Thành viên HĐQT, Thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể:

Stt	Họ và tên ứng viên	Số lượng phiếu bầu	Kết quả phiếu bầu
I. Bổ nhiệm TV Hội đồng quản trị:			
1	Ông Phan Khắc Mẫn	27	38.958.324
II. Miễn nhiệm TV Ban kiểm soát:			
1	Ông Hoàng Văn Hải	27	39.220.104
III. Bổ nhiệm TV Ban kiểm soát:			
1	Ông Lê Minh Phong	27	33.220.104

Điều 2. Trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT:

(i). Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

(ii). Phê duyệt các phương án SXKD phát sinh trong năm và báo cáo nội dung, kết quả thực hiện tại kỳ Đại hội gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty PVC-MS được thông qua toàn văn tại cuộc họp ngày 12/6/2026 với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận: 

- UBCKNN, HNX (để b/c);
- TCT PetroCons (để b/c);
- HĐQT, BGD, BKS (để t/h);
- Các Phòng ban, Đơn vị (để t/h);
- Quý cổ đông (Cbtt trên website Cty);
- Lưu: VT, HĐQT, TCKT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA


Vũ Minh Công

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) khai mạc vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 12/6/2026 tại Hội trường Tầng 4 - Trụ sở Văn phòng PVC-MS, Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh.

I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

1. Thăm tra tư cách cổ đông, tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

Ông Hoàng Văn Hải - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông (thành lập theo Quyết định số 74/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 11/5/2026 của Hội đồng quản trị) công bố biên bản thăm tra tư cách, số lượng cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể:

- Tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty theo Danh sách tổng hợp của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại ngày 14/04/2026 là 2.919 cổ đông, sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 59.999.998 cổ phần (trừ đi 02 cổ phiếu quỹ của Công ty).

- Tại thời điểm 9 giờ 00 phút: Tổng số cổ đông có mặt trực tiếp/ đại diện ủy quyền tham dự Đại hội là: 28 cổ đông (trong đó có mặt trực tiếp 26 cổ đông, ủy quyền tham dự 02 cổ đông), tương ứng tổng số cổ phần sở hữu và đại diện là: 39.240.404 cổ phần, chiếm 65,40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty PVC-MS.

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PVC-MS với thành phần, tỷ lệ cổ phần tham dự như trên là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp tục cập nhật số cổ đông tham dự đăng ký sau thời điểm khai mạc Đại hội: tại thời điểm 9 giờ 30 phút, tổng số cổ đông có mặt trực tiếp/ đại diện ủy quyền tham dự Đại hội là: 29 cổ đông (trong đó có mặt trực tiếp 27 cổ đông, ủy quyền tham dự 02 cổ đông), tương ứng tổng số cổ phần sở hữu và đại diện là: 39.260.804 cổ phần, chiếm 65,43% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty PVC-MS.

** (Đính kèm Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông).*

2. Sau nghi lễ chào cờ, Ban tổ chức đã tiến hành khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội.

• Về phía Công ty mẹ là Cổ đông chi phối - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (PetroCons) có Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cùng Lãnh đạo các Ban chức năng tham dự; Tổng Công ty cũng đã ủy quyền cho những Người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-MS tham dự và biểu quyết tại Đại hội gồm:

- Ông Vũ Minh Công - Chủ tịch HĐQT PVC-MS;
- Ông Đinh Văn Hưng - Thành viên HĐQT PVC-MS;
- Ông Trần Vũ Phụng - Thành viên HĐQT PVC-MS.

- Về phía Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí có: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Lãnh đạo các Phòng chức năng, Chi nhánh/ Đơn vị trực thuộc và các CBCNV là cổ đông của Công ty.

- Đại diện các đối tác/ khách hàng, các đơn vị bạn của Công ty PVC-MS.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

1. Giới thiệu và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội:

Để điều hành Đại hội, giúp việc Đoàn Chủ tịch ghi chép Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kiểm phiếu các nội dung thông qua tại Đại hội, Đại hội đã nhất trí thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội gồm 05 thành viên sau:
 - + Ông Vũ Minh Công - Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa Đại hội;
 - + Ông Trần Minh Ngọc - Thành viên HĐQT: Thành viên;
 - + Ông Trần Vũ Phụng - Thành viên HĐQT: Thành viên;
 - + Ông Đinh Văn Hưng - Thành viên HĐQT: Thành viên;
 - + Ông Phan Khắc Mẫn - Giám đốc Công ty: Thành viên.
- Ban Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên sau:
 - + Ông Võ Thanh Tịnh - Người phụ trách quản trị, Thư ký Công ty: Trưởng ban;
 - + Bà Phan Thị Thu - Phó Phòng TC-HC: Thành viên.
- Ban kiểm phiếu Đại hội gồm 07 thành viên:
 - + Ông Hồ Anh Đức - Phó giám đốc XNC: Trưởng ban;
 - + Ông Nguyễn Ngọc Huân - Phó Phòng TCKT: Phó ban;
 - + Ông Phạm Quang Bình - Trưởng phòng Tổng hợp XNC: Thành viên;
 - + Ông Nguyễn Quốc Huy - Trợ lý Giám đốc: Thành viên;
 - + Ông Bùi Bạch Đằng - CV Phòng TCKT: Thành viên;
 - + Ông Bùi Tuấn Anh - CV Phòng KTTM: Thành viên;
 - + Bà Bùi Vân Anh - CV Phòng TCKT: Thành viên.

2. Thông qua chương trình và quy chế tổ chức Đại hội:

Ông Đinh Văn Hưng, Thành viên HĐQT Công ty thay mặt Ban tổ chức trình bày chương trình và quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PVC-MS. Đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (*Chương trình và Quy chế tổ chức Đại hội được đính kèm trong bộ tài liệu Đại hội*).

3. Các nội dung được trình bày tại Đại hội:

- + **Nội dung 1:** Báo cáo số 64/BC-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- + **Nội dung 2:** Báo cáo số 66/BC-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026: Đánh giá của Thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT năm 2025;
- + **Nội dung 3:** Báo cáo số 810/BC-KCKL-KTTM ngày 23/4/2026 về kết quả SXKD của Công ty năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2026;
- + **Nội dung 4:** Báo cáo số 65/BC-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về tổng quát tình hình thực hiện Hợp đồng/ Dự án DSF-II;



+ **Nội dung 5:** Báo cáo số 06/BC-KCKL-BKS ngày 23/4/2026 về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;

+ **Nội dung 6:** Tờ trình số 67/TTr-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025;

+ **Nội dung 7:** Tờ trình số 68/TTr-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026;

+ **Nội dung 8:** Tờ trình số 69/TTr-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

+ **Nội dung 9:** Tờ trình số 100/TTr-KCKL-HĐQT ngày 09/6/2026 về sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

+ **Nội dung 10:** Tờ trình số 101/TTr-KCKL-HĐQT ngày 09/6/2026 về việc kiện toàn nhân sự Thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031.

4. Thảo luận, ý kiến tại Đại hội:

Đại hội đã tiến hành trao đổi, thảo luận các nội dung trình bày tại Đại hội, các cổ đông đã nêu một số câu hỏi liên quan đến hoạt động SXKD, tình hình tài chính, kế hoạch triển khai các dự án tiềm năng, định hướng phát triển của PVC-MS và các nội dung khác đã được Đoàn Chủ tịch trả lời đầy đủ theo từng nội dung câu hỏi tại Đại hội.

5. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội:

Đoàn Chủ tịch lần lượt nêu từng vấn đề để Đại hội biểu quyết. Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội do Ông Hồ Anh Đức, Trưởng Ban kiểm phiếu công bố, các nội dung được Đại hội thông qua, gồm:

5.1. Thông qua Báo cáo số 64/BC-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026:

Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 39.220.104 cổ phần, chiếm 99,9% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần; Không có ý kiến: 0 cổ phần.

5.2. Báo cáo số 810/BC-KCKL-KTTM ngày 23/4/2026 về kết quả SXKD của Công ty năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2026:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2025:

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ KH/TH	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	784,00	1.105,16	141,0%	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	725,00	947,40	130,7%	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,20	14,78	121,1%	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,20	14,78	121,1%	
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	22,50	15,41	68,40%	
6	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/thg	15,50	18,70	120,65%	

Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 8.635.571 cổ phần, chiếm 22,02% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0%; Không có ý kiến: 30.584.533 cổ phần chiếm 77,98%.

- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2026:

ĐVT: Tỷ đồng.

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	3.114,00	
2	Doanh thu	3.120,00	
3	Lợi nhuận trước thuế	41,40	
4	Lợi nhuận sau thuế	41,40	
5	Nộp ngân sách Nhà nước	9,20	
6	Tiền lương BQ NLD (trđ/ng/thg)	22,47	
7	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	Không chia cổ tức	

Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 39.220.104 cổ phần, chiếm 99,9% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần; Không có ý kiến: 0 cổ phần.

5.3. Thông qua Báo cáo số 65/BC-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về tổng quát tình hình thực hiện Hợp đồng/ Dự án DSF-II:

Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 39.220.104 cổ phần, chiếm 99,9% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần; Không có ý kiến: 0 cổ phần.

5.4. Thông qua Báo cáo số 06/BC-KCKL-BKS ngày 23/4/2026 về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026:

Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 39.220.104 cổ phần, chiếm 99,9% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần; Không có ý kiến: 0 cổ phần.

5.5. Tờ trình số 67/TTr-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025:

Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 8.635.571 cổ phần, chiếm 22,02% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0%; Không có ý kiến: 30.584.533 cổ phần chiếm 77,98%.

5.6. Thông qua Tờ trình số 68/TTr-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026:

Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 39.220.104 cổ phần, chiếm 99,9% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần; Không có ý kiến: 0 cổ phần.

5.7. Thông qua Tờ trình số 69/TTr-KCKL-HĐQT ngày 24/4/2026 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 39.220.104 cổ phần, chiếm 99,9% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần; Không có ý kiến: 0 cổ phần.

5.8. Thông qua Tờ trình số 100/TTr-KCKL-HĐQT ngày 09/6/2026 về sửa đổi Điều lệ Công ty:

Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 39.220.104 cổ phần, chiếm 99,9% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần; Không có ý kiến: 0 cổ phần.

5.9. Thông qua Tờ trình số 101/TTr-KCKL-HĐQT ngày 09/6/2026 về việc kiện toàn nhân sự Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031:

- Tổng số cổ phần biểu quyết Tán thành: 39.220.104 cổ phần, chiếm 99,9% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; Không tán thành: 0 cổ phần; Không có ý kiến: 0 cổ phần.

- Thông qua kết quả bầu cử Thành viên HĐQT, BKS Công ty:

Sau khi Đại hội được Ông Hồ Anh Đức - Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn quy định thực hiện các thủ tục về bầu cử Thành viên HĐQT, miễn nhiệm và bổ nhiệm Thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031, Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu bầu cử và kết quả đạt được như sau:

Stt	Họ và tên ứng viên	Số lượng phiếu bầu	Kết quả phiếu bầu
I. Bầu cử TV Hội đồng quản trị:			
1	Ông Phan Khắc Mẫn	27	38.958.324
II. Miễn nhiệm TV Ban kiểm soát:			
1	Ông Hoàng Văn Hải	27	39.220.104
III. Bổ nhiệm TV Ban kiểm soát:			
1	Ông Lê Minh Phong	27	33.220.104

** (Đính kèm Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử)*

III. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI:

Ông Võ Thanh Tịnh - Trưởng Ban thư ký Đại hội trình bày tại Đại hội nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đã được Ban Thư ký ghi lại đầy đủ, trung thực và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Biên bản Đại hội gồm 05 trang được lập vào lúc 12 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 6 năm 2026 và lưu vào hồ sơ Đại hội.

**TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**



Võ Thanh Tịnh



Vũ Minh Công

Nơi nhận:

- UBCK, HNX (để cbtt);
- TCT PetroCons (để b/c);
- HĐQT, BGD, BKS (để t/h);
- Quý cổ đông (để cbtt trên website Cty);
- Lưu: VT, HĐQT, TCKT.

**TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**



TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**

MÃ CHỨNG KHOÁN : PXS



TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY 12 THÁNG 06 NĂM 2026

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Thứ sáu, ngày 12 tháng 6 năm 2026)

STT	DANH MỤC TÀI LIỆU
1	Chương trình Đại hội
2	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
3	Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026
4	Báo cáo đánh giá của Thành viên Độc lập HĐQT năm 2025
5	Báo cáo kết quả SXKD của Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026
6	Báo cáo tổng quát thực hiện Hợp đồng/ Dự án DSF-II
7	Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026
8	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025
-	<i>Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025</i>
9	Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026
10	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026
11	Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty
12	Tờ trình kiện toàn Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026-2031
13	Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA PVC-MS
Thứ sáu, ngày 12 tháng 6 năm 2026

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
7h15 – 8h00	Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
8h00 – 8h40	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội đủ điều kiện để tiến hành; - Chào cờ, giới thiệu đại biểu và khai mạc Đại hội; - Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; - Thông qua nội dung chương trình và quy chế tổ chức Đại hội.
8h40-10h30	Các nội dung đưa ra thảo luận để xin ý kiến ĐHĐCD thông qua: 1. Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026; 2. Báo cáo đánh giá của Thành viên Độc lập HĐQT năm 2025; 3. Báo cáo kết quả SXKD của Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026; 4. Báo cáo tổng quát thực hiện Hợp đồng/ Dự án DSF-II; 5. Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026; 6. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025; 7. Tờ trình quyết toán tiền lương, phụ cấp, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026; 8. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026; 9. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty; 10. Tờ trình kiện toàn nhân sự Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 – 2031.
10h30 – 11h00	- Đại hội thảo luận và giải đáp câu hỏi của cổ đông. - Đại hội biểu quyết thông qua từng nội dung.
11h00 - 11h15	- Đại hội giải lao - Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu biểu quyết/ bầu cử.
11h15 – 11h35	- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung, kết quả kiểm phiếu. - Phát biểu của Đại diện cổ đông Công ty mẹ - Tổng công ty PetroCons.
11h35 – 11h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
11h45	Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: .76.../QC-KCKL-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2026.

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

- Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi là Đại hội) của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ
CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông:

- Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông được hưởng quyền tham dự Đại hội (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 14731/VSD-PXS do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – VSD chốt tại ngày 14/04/2026) có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan;
- Việc ủy quyền (nếu có) được thực hiện theo Điều 16 Điều lệ Công ty và theo mẫu giấy ủy quyền tham dự Đại hội của Công ty ban hành;
- Cổ đông tham dự Đại hội có nghĩa vụ tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều hành của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội.
- Chủ tọa đề cử nhân sự cùng tham gia Đoàn Chủ tịch để điều hành Đại hội, cử Ban Thư ký để lập biên bản, dự thảo nghị quyết và thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn Chủ tịch. Đại hội sẽ thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội theo các quy định tại Điều lệ Công ty.



SL

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty ra quyết định thành lập để kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp, phát Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và tài liệu họp cho cổ đông; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Chủ tọa đề cử Ban kiểm phiếu để Đại hội bầu và thông qua. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục biểu quyết và cách thức bỏ phiếu, giám sát và thực hiện kiểm Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và lập báo cáo bằng văn bản thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký, đồng thời công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG IV TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông dự họp:

- Các cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải xuất trình giấy tờ pháp lý cá nhân/ tổ chức như CCCD/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD (bản sao)/ Giấy ủy quyền (nếu có) cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và phải hoàn tất việc đăng ký trước khi tham dự Đại hội.
- Sau khi kiểm tra tư cách hợp lệ của cổ đông dự họp, Ban kiểm tra tư cách cổ đông cung cấp cho cổ đông Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và tài liệu Đại hội.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, tuy nhiên, Đoàn Chủ tịch không có trách nhiệm dừng Đại hội để chờ cổ đông và hiệu lực của các nội dung đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Nội quy của Đại hội:

Cổ đông và các bên tham dự Đại hội được yêu cầu: ăn mặc lịch sự, tuân thủ sự sắp xếp của Ban tổ chức, không hút thuốc lá (trừ các khu vực được phép); tắt chuông điện thoại di động hoặc để chế độ rung; không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội; thực hiện nghiêm túc các quy định khác của Ban tổ chức liên quan đến việc tham dự Đại hội.

Điều 8. Khai mạc và điều hành Đại hội:

- Căn cứ Điều lệ Công ty, Đại hội được tiến hành sau khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số Phiếu biểu quyết.
- Đoàn Chủ tịch sẽ điều hành để Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội.
- Khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận và được sự đồng ý của Chủ tọa, cổ đông phát

biểu ngắn gọn, tập trung vào những vấn đề trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã thông qua, không phát biểu lại các nội dung đã được cổ đông khác phát biểu trước để tránh trùng lặp. Đoàn Chủ tịch sẽ tiến hành giải đáp và trả lời, trường hợp giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản nếu có yêu cầu của cổ đông.

Điều 9. Cách thức biểu quyết tại Đại hội:

- Theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ/ Phiếu biểu quyết để lấy ý kiến biểu quyết đối với từng nội dung: “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”.

- Thẻ/ Phiếu biểu quyết được in theo mẫu của Công ty và có đóng dấu treo. Trên Thẻ/ Phiếu biểu quyết có ghi rõ thông tin cổ đông và số quyền biểu quyết của cổ đông đó. Cứ 01 cổ phần sở hữu/ đại diện tương đương với 01 quyền biểu quyết. Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết, trong đó:

+ 01 Thẻ biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung gồm: Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử, Biên bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội và các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa;

+ 01 Phiếu biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo/ Tờ trình tại Đại hội. Đối với Phiếu biểu quyết, mỗi vấn đề trên Phiếu biểu quyết có 03 ô trống thể hiện việc “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT/ thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử của Đại hội.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

- Việc thông qua nghị quyết của Đại hội sẽ căn cứ vào kết quả biểu quyết đối với từng nội dung và quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

+ Quyết nghị của Đại hội về: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 60% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

+ Quyết nghị của Đại hội về các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

- Diễn tiến Đại hội được ghi Biên bản và/ hoặc theo hình thức hợp pháp khác. Biên bản được lập bằng Tiếng Việt/ Tiếng Anh với đầy đủ nội dung theo quy định và được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

- Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được hoàn thành và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội, phụ lục danh sách cổ đông dự họp và tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực áp dụng:

Quy chế này gồm 05 Chương 11 Điều, được đọc công khai trước Đại hội và có hiệu lực áp dụng ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí biểu quyết thông qua.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI
VÀ LẮP MÁY
DẦU KHÍ
Vũ Minh Công



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Năm 2025 là năm PVC-MS quyết tâm hiện thực hóa các kết quả đạt được trong thi công, tiếp thị đấu thầu cũng như quản trị doanh nghiệp nhằm mục tiêu đảm bảo hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua. Để đạt được điều này, ngay từ đầu năm, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện các dự án: Chế tạo Topside Phú Quốc, chế tạo Chân đế Lạc Đà Vàng, chế tạo Flare Tower, Giàn DKI, ... theo đúng kế hoạch và đều hoàn thành bàn giao cho Tổng thầu/ Chủ đầu tư đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ. Bên cạnh đó, việc hợp tác khai thác diện tích trống tại Bãi cảng 23ha Sao Mai Bến Đình cũng đã được triển khai thực hiện với các khách hàng như: PTSC, PTSC M&C, Alpha. Vì vậy, các chỉ tiêu kinh tế được giao đều được hoàn thành vượt mức, làm tiền đề cho các các hoạt động SXKD của đơn vị trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

Ngoài việc thi công các dự án, công tác tiếp thị đấu thầu cũng được Công ty chú trọng, tích cực tìm kiếm khách hàng để tìm nguồn công việc mới bổ sung cho hoạt động SXKD. Qua đó, trong năm Công ty đã ký kết các hợp đồng mới như: Chế tạo Topside và Chân đế cho 04 Giàn đầu giếng của đối tác MDL Ấn Độ (Dự án DSF-II) vào đầu tháng 6/2025, Topside Đại Hùng Nam với Tổng thầu Vietsovpetro (VSP) vào tháng 10/2025 và Gói thầu thi công Trạm tiếp nhiên liệu mặt đất - Sân bay Long Thành.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2025

Trên cơ sở kế hoạch SKXD năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua tại Nghị quyết số 74/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 16/6/2025, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ SXKD, kết quả các chỉ tiêu kinh tế đạt được như sau:

Đvt: Tỷ đồng.

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện 2024	Năm 2025		Tỷ lệ TH/KH 2025	Tỷ lệ TH 2025/2024 (%)
			KH ĐHĐCĐ giao	Thực hiện		
1	Giá trị sản lượng	543,04	784,00	1.105,16	141,0%	203,5%
2	Doanh thu	579,63	725,00	974,40	130,7%	168,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	10,67	12,20	14,78	121,1%	138,5%
4	Lợi nhuận sau thuế	9,95	12,20	14,78	121,1%	138,5%
5	Nộp NSNN	24,60	22,50	15,41	68,4%	62,6%

- Giá trị sản lượng thực hiện năm 2025 là 1.105,16 tỷ đồng, đạt 141,0% kế hoạch ĐHCĐ giao, bằng 203,5% so với năm 2024;

- Doanh thu thực hiện năm 2025 là 974,40 tỷ đồng, đạt 130,7% kế hoạch ĐHCĐ giao, bằng 168,1% so với năm 2024;

- Lợi nhuận trước và sau thuế: 14,78 tỷ đồng, đạt 121,1% kế hoạch ĐHCĐ giao, bằng 138,5% so với năm 2024;

- Nộp ngân sách Nhà nước: 15,41 tỷ đồng, đạt 68,4% kế hoạch ĐHCĐ giao, bằng 62,6% so với năm 2024.

(Chi tiết kết quả thực hiện SXKD năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo của Ban Giám đốc và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của đơn vị).

2. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2025

2.1 Về công tác chỉ đạo chung:

- Năm 2025, Hội đồng quản trị tập trung giám sát Ban điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, chỉ thị, thông báo kết luận, nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHCĐ; Giám sát tình hình triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Công ty mẹ - là đơn vị chủ sở hữu phần vốn chi phối.

- Giám sát các hoạt động của Công ty nhằm thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định của Công ty/ Tổng công ty và Pháp luật hiện hành.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường, các cuộc họp triển khai thực hiện các dự án hoặc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Tổ chức nhiều cuộc họp mở rộng với Ban điều hành, các Phòng/ Ban dự án để xem xét, giải quyết những tồn tại, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc kịp thời, đảm bảo công việc được xuyên suốt trong quá trình hoạt động.

- Cùng Ban điều hành tập trung chỉ đạo thi công tốt tại các công trình/ dự án: Topside Block B Phú Quốc, Chân đế Lạc đà vàng, DKI,... đảm bảo thi công đạt chất lượng, an toàn và bàn giao cho Tổng thầu đúng tiến độ, được Tổng thầu/ Chủ đầu tư ghi nhận và đánh giá cao.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tài chính từ đầu năm để quản lý và kiểm soát dòng tiền. nỗ lực cùng Ban điều hành tháo gỡ các khó khăn về tài chính, đặc biệt trong công tác thu hồi vốn tại các dự án và đã đạt được các kết quả tích cực, dòng tiền về theo kế hoạch đề ra. Song song đó, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định cũng như các văn bản chỉ đạo, giám sát thường xuyên, yêu cầu Ban điều hành cập nhật, báo cáo hàng tháng/ quý cho từng dự án/ công trình. Để từ đó, luôn đảm bảo dòng tiền phục vụ thi công các dự án kịp thời, đúng tiến độ.

- Định hướng và cơ cấu lại danh mục tài sản để thực hiện các giải pháp liên quan đến công tác thu xếp vốn: HĐQT đã có chỉ đạo Ban điều hành trực tiếp làm việc với các tổ chức tín dụng để thực hiện công tác thu xếp vốn phù hợp và hiệu quả. Bước đầu đạt được kết quả, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty và hiện vẫn đang tiếp tục thực hiện để đáp ứng dòng tiền phục vụ thi công các dự án mới.

- Cùng Ban điều hành nỗ lực trong công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm các công việc mới, đẩy mạnh hoạt động thương mại dịch vụ và mở rộng thị trường kinh doanh.

- Hội đồng quản trị luôn nỗ lực trong công tác đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững, tin cậy với các chủ đầu tư, các tổ chức tín dụng, ngân hàng, cơ quan quản lý Nhà nước và luôn tích cực tìm kiếm đối tác, thị trường mới.

- Trong năm, HĐQT đã xem xét, phê duyệt sửa đổi, ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ để phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và các quy định mới của pháp luật hiện hành, như: Quy chế trả lương, trả thưởng Công ty; Sửa đổi và ban hành lại Bảng giá ca máy nội bộ và thiết bị thi công của Công ty; Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Tập trung chỉ đạo và chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng cho các dự án mới như MDL Ấn Độ, Đại Hùng Nam: HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/ Quyết định về thành lập Ban chỉ đạo dự án, Ban điều hành dự án, phê duyệt Dự toán chi phí, Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ban điều hành cũng như phân công nhiệm vụ cho Thành viên HĐQT theo dõi, chỉ đạo công tác thi công và các Dự án trên đã đi vào hoạt động, triển khai nhiệm vụ SXKD trong Quý 3, Quý 4.

- Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm soát, giám sát chặt chẽ chi phí tại các dự án để nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý; công tác phát triển hình ảnh, văn hóa doanh nghiệp.

- Tham gia hỗ trợ Ban điều hành trong công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm các công việc mới, mở rộng thị trường kinh doanh với các đối tác nước ngoài như: Đài Loan, Ấn Độ, Na uy và các dự án trong nước như: chuỗi dự án Lô B - Ô môn, Đại Hùng Nam, Cửu Long,...

- Chỉ đạo xây dựng, phát triển cán bộ thiết kế, kỹ thuật giỏi, giàu kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đội ngũ tiếp thị đấu thầu. Phát triển công tác đào tạo nội bộ, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho các loại thợ, công nhân kỹ thuật lành nghề và trẻ hóa lực lượng CNKT.

- Chỉ đạo công tác sắp xếp, quy hoạch để tối ưu, nâng cao hiệu quả khai thác Bãi cảng SMBĐ để phát huy hiệu quả vốn đầu tư, tăng thu, bù đắp chi phí khấu hao.

- Chỉ đạo rà soát đánh giá, cơ cấu lại danh mục tài sản, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ và công tác quản lý trang thiết bị của Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động và tái đầu tư.

- Trên cơ sở thực hiện công tác tái cơ cấu Công ty mẹ và các Đơn vị thành viên và chiến lược hoạt động, phát triển PVC-MS giai đoạn 2026-2031, HĐQT chỉ đạo xây dựng tái cấu trúc bộ máy, cải tiến mô hình và thực hiện theo lộ trình phù hợp với tình hình SXKD trong từng giai đoạn; nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý điều hành, các bộ phận chuyên môn, đặc biệt bộ phận làm công tác kế hoạch, tài chính, quản lý kỹ thuật - thiết kế, tiếp thị đấu thầu; thực hiện định biên nhân sự tinh gọn, sắp xếp bố trí lao động hợp lý để tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.

- Chỉ đạo tiếp tục ứng dụng có hiệu quả các phần mềm, khoa học công nghệ trong công tác quản trị điều hành, xử lý công việc, tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất; cải tiến biện pháp, kỹ thuật thi công, tối ưu bộ định mức nội bộ để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

2.1. Về công tác quản lý sử dụng vốn:

- Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, tại ngày 31/12/2025, vốn điều lệ của PVC-MS là 600 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu 91,62 tỷ đồng (chiếm 15,27%). Vốn chủ



sở hữu âm 508,38 tỷ đồng, giảm âm vốn 14,78 tỷ đồng so với năm 2024 do trong năm 2025 đơn vị hoạt động SXKD có lãi 14,78 tỷ đồng để bù đắp.

- Về các khoản đầu tư góp vốn trước đây, như phần vốn góp 5 tỷ đồng, tương đương 2,63% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh từ năm 2011, đến nay PVC-MS vẫn chưa tìm được đối tác để nhận chuyển nhượng, khoản vốn góp này đã được trích lập dự phòng 100% trong năm 2019; Đối với 5.000 cổ phần, tương đương 50 triệu đồng vốn góp của PVC-MS tại PV-PIPE, Công ty tiếp tục giữ nguyên vốn đầu tư theo cam kết.

2.2. Về công tác đầu tư:

Năm 2025, Công ty không thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị, xây dựng với giá trị lớn, chỉ mua sắm một số công cụ dụng cụ để phục vụ thi công dự án và sắp xếp lại các hạng mục trên bãi cảng với chi phí 2,01 tỷ đồng. Các chi phí này sẽ được Công ty phân bổ dần vào các dự án sẽ triển khai trong thời gian tới trên bãi cảng theo quy định.

2.3. Về công tác quan hệ cổ đông:

- Công tác quan hệ cổ đông luôn được HĐQT quan tâm chú trọng. Công ty tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với công ty niêm yết.

- Giá trị và khối lượng giao dịch cổ phiếu PXS trong năm 2025 giảm theo tình hình chung của thị trường chứng khoán và do bị đưa vào diện kiểm soát, hạn chế giao dịch. Hiện cổ phiếu PXS đang giao dịch trên sàn UPCOM thuộc Sở GDCK Hà Nội.

2.4. Hoạt động của thành viên HĐQT:

Trong năm 2025, từng thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc, Chương trình hoạt động và phân công nhiệm vụ của HĐQT, cũng như các quy định khác của pháp luật có liên quan trong công tác quản lý hoạt động SXKD. Đồng thời, giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Giám đốc thông qua việc: Tham gia các hoạt động của HĐQT; Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp của Ban điều hành; Có ý kiến kịp thời đề HĐQT ban hành các văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2.5. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp (chưa kể các cuộc họp chuyên đề theo từng dự án) và thực hiện lấy 42 Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để thông qua 34 quyết định, 13 nghị quyết quan trọng và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các mặt hoạt động SXKD của Công ty.

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành trong năm 2025 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo quản trị Công ty số 07/BC-KCKL-HĐQT ngày 21/01/2026 gửi UBCKNN, SGDK Hà Nội (HNX) và được công bố thông tin trên website Công ty.

- Ngoài các cuộc họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên trao đổi, giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc của HĐQT và việc thực hiện của Ban điều hành đối với các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động SXKD.

- Thống kê các cuộc họp của Thành viên HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT	9/10	90%	Bận công tác
2	Đình Văn Hưng	TV HĐQT	9/10	90%	Vắng do nghỉ phép
3	Trần Vũ Phương	TV HĐQT	10/10	100%	
4	Lim Hau Guan	TV HĐQT	2/10	20%	Công tác xa
5	Trần Minh Ngọc	TV Độc lập HĐQT	8/10	80%	Vắng do nghỉ phép

2.6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và các thành viên trong Ban giám đốc:

- Hội đồng quản trị theo sát và giám sát Ban giám đốc để triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung nghị quyết, quyết định và văn bản của HĐQT ban hành.
- Giám đốc có phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban giám đốc. Định kỳ hàng tháng, Ban giám đốc tổ chức họp giao ban với các Phòng chức năng, Ban ĐHDA, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc để đánh giá kết quả thực hiện công việc trong tháng và lên kế hoạch cho tháng tiếp theo. HĐQT đều tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp.
- Ban Giám đốc thường xuyên làm việc với các bộ phận để chỉ đạo điều hành sản xuất, giải quyết cơ bản kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.
- Ban giám đốc đã triển khai các hoạt động SXKD tuân thủ Điều lệ doanh nghiệp, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban giám đốc trong công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, đặc biệt là những nỗ lực trong việc tìm kiếm và ký được hợp đồng các công trình/ dự án mới góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD của năm.

2.7. Báo cáo thu nhập của các thành viên HĐQT trong năm 2025:

- Theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua kế hoạch chi phí tiền lương, phụ cấp, thù lao của HĐQT và BKS là: 2.009.172.000 đồng, thực tế đã chi trong năm 2025 là: 1.943.372.000 đồng, bằng 96,7% KH năm (Chi tiết tại Tờ trình đính kèm).

2.8. Báo cáo về các giao dịch của thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT cũng như những người có liên quan của thành viên HĐQT không có giao dịch nào với Công ty;

Công ty không có giao dịch nào với các Công ty mà thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.9. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong năm 2025:

- Thành viên HĐQT độc lập làm việc theo chế độ không thường xuyên.
- Thành viên HĐQT độc lập tham dự/ ủy quyền tham dự các buổi họp của Hội đồng quản trị, trả lời và gửi đầy đủ các Phiếu lấy ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của HĐQT.

(Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập đính kèm).

3. Đánh giá chung:

3.1. Kết quả đạt được:

- Về kết quả SXKD: Năm 2025, tuy hoạt động SXKD vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ giao là nhờ vào sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Công ty mẹ - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) cùng sự đoàn kết, nỗ lực hết mình của cả tập thể lãnh đạo, CBNV, người lao động PVC-MS nên đã đạt được những kết quả nhất định, hoàn thành và hạ thủy thành công Dự án Topside Block B Phú Quốc, Chân đế Lạc đà vàng, Dự án DKI,... được các Chủ đầu tư, Tổng thầu hài lòng và đánh giá cao.

- Về công tác tiếp thị đấu thầu: Ngoài việc vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược tiếp thị chào thầu các dự án trung và dài hạn. Trong năm, Công ty đã trúng thầu các gói thầu thi công, như: Gói thầu “Cung cấp dịch vụ gia công chế tạo Topside, Jacket Giàn đầu giếng & đường ống liên kết cho MDL Ấn Độ (DSF-II) với giá trị hơn 3.000 tỷ đồng; Gói thầu chế tạo Topside Đại Hùng Nam với giá trị 217 tỷ đồng; Thi công Trạm tiếp nhiên liệu mặt đất - Sân bay Long Thành với giá trị 36 tỷ đồng; Chế tạo Flare Tower với PTSC M&C với giá trị... tỷ đồng; Các hợp đồng gia công chế tạo, lắp đặt kết cấu thép với Công ty Alpha - ECC với tổng giá trị 18,92 tỷ đồng. Tuy vậy, nhìn chung công tác tiếp thị đấu thầu vẫn còn nhiều hạn chế, cần tiếp tục phải tập trung nâng cao chất lượng của đội ngũ đấu thầu, khai thác thông tin dự án khả thi trong và ngoài nước nhằm mang lại những hợp đồng có hiệu quả tốt, phù hợp với quy mô hoạt động SXKD của Công ty.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế:

- Công tác thu xếp tín dụng, dòng tiền hoạt động của Công ty để phục vụ công tác chào thầu, đấu thầu các dự án trước và sau khi trúng thầu chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của gói thầu/ dự án do những khó khăn về tài chính tồn tại đã lâu.

- Năng lực cạnh tranh còn thấp, chi phí cao dẫn đến hiệu quả thực hiện dự án không đạt được như mong muốn.

- Năng suất lao động chưa được tối ưu dẫn đến chi phí giá thành sản phẩm cao hơn so với mặt bằng của thị trường trong khu vực, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả các dự án thực hiện trong giai đoạn hiện tại.

- Công nợ phải thu, phải trả khách hàng, chi phí tài chính vẫn còn rất lớn gây áp lực và khó khăn trong việc cân đối dòng tiền của Công ty.

III. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026:

1. Nhận định về năm 2026:

Thị trường năng lượng toàn cầu trong năm 2026 được dự báo đối mặt với sự biến động mạnh do căng thẳng chính trị (đặc biệt tại Trung Đông), rủi ro dư cung dầu thô trong khi nhu cầu LNG tăng cao kỷ lục. Giá dầu có thể biến động lớn làm tăng các chi phí sản xuất đi kèm. Đối với PVC-MS, một doanh nghiệp xây lắp dầu khí truyền thống, giai đoạn này mang lại cả cơ hội và thách thức đáng kể.

- Về mặt thuận lợi: Với lợi thế Bãi cảng 23ha đã được đầu tư hệ thống nhà xưởng, bến bãi, cầu cảng và các thiết bị chuyên dùng đủ năng lực đáp ứng thi công các dự án/ công trình dầu khí và được các khách hàng như: VSP, PTSC, PTSC M&C, JOC, NOC, FOCUS, APHA-ECC, ... đánh giá rất cao về năng lực thi công. Ngoài các dự

án đang thi công chuyên tiếp từ năm 2025 như: MDL Ấn Độ, Đại Hùng Nam, Trạm tiếp nhiên liệu mặt đất – Cảng hàng không quốc tế Long Thành – giai đoạn 1... thì các dự án mới cũng nằm trong kế hoạch SXKD năm 2026 của đơn vị như: Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn 4, Cừu Long, đảm nhiệm vai trò nhà thầu phụ cho các đơn vị mạnh như VSP, PTSC, PTSC M&C, ...

- Về mặt khó khăn: Với sự tham gia của các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài cùng sự lớn mạnh, phát triển vượt bậc trong những năm gần đây của một số doanh nghiệp tư nhân trong nước có vốn đầu tư lớn làm cho thị trường xây lắp và gia công cơ khí ngày càng có xu thế giảm giá và cạnh tranh gay gắt về giá thành, dẫn đến giảm cơ hội trúng thầu và giảm quy mô, phạm vi gói thầu nếu được trao thầu. Bên cạnh đó, nhiều đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực xây lắp, do thiếu việc làm, vẫn phải chấp nhận rủi ro tham gia thực hiện để duy trì hoạt động sản xuất nên có sự cạnh tranh rất khốc liệt về giá.

2. Kế hoạch SXKD năm 2026:

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn trên, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

DVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	3.114,00	
2	Doanh thu	3.120,00	
3	Lợi nhuận trước thuế	41,40	
4	Lợi nhuận sau thuế	41,40	
5	Nộp ngân sách Nhà nước	9,20	
6	Tiền lương BQ người LĐ (tr.đg/ng/tháng)	22,47	
7	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	Không chia cổ tức	

3. Kế hoạch tiền lương, phụ cấp, thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2026:

- Đối với thành viên HĐQT làm việc chuyên trách tại PVC-MS được hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD và quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Đối với thành viên HĐQT là cổ đông chiến lược Mecom Offshore & Marine Pte. Ltd., thành viên độc lập được hưởng mức phụ cấp/thù lao: 10.000.000 đồng/tháng; Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách tại PVC-MS được hưởng mức phụ cấp/thù lao: 12.000.000 đồng/tháng.

4. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026:

Trên cơ sở kế hoạch SXKD xây dựng cho năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ cùng Ban điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành, phấn đấu hoàn thành/ hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2026 đề ra.

- Tập trung thực hiện các dự án Chế tạo Topside và Chân đế cho MDL Ấn Độ, Trạm tiếp nhiên liệu mặt đất – Cảng hàng không quốc tế Long Thành – giai đoạn 1, Đại Hùng Nam và các dự án hợp tác với VSP, PTSC, PTSC M&C, Alpha-ECC, ... đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

- *Lĩnh vực xây lắp dầu khí truyền thống*: Phối hợp cùng Tổng công ty PetroCons và các đối tác trong và ngoài nước tiếp thị/ chào thầu để cùng thực hiện các dự án kho chứa, bồn bể, vận chuyển, chế biến dầu, khí của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các đơn vị trong ngành dầu khí, theo các hình thức: nhà thầu xây lắp, nhà thầu phụ đặc biệt cho các dự án có tổng thầu nước ngoài; Tham gia chào thầu và thi công các công trình hạ nguồn thuộc chuỗi dự án Lô B - Ô Môn, như: đường ống dẫn khí trên bờ, các trạm valve, trạm phân phối khí và Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn 4 theo tiến độ thực hiện của từng dự án; Tham gia chào thầu để thi công các hạng mục cơ khí, lắp đặt các dự án Nhà máy Nhiệt điện; Gia công chế tạo trên bờ các khối thượng tầng, các kết cấu chân đế; Cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi gia công chế tạo và cơ sở vật chất cho các khách hàng có nhu cầu như PTSC, PTSC M&C, VSP, Alpha-ECC,; Bám sát các dự án của các đơn vị mạnh như: VSP, PTSC, PTSC M&C ..., chủ động tham gia đấu thầu từ giai đoạn sớm nhất để đảm nhận vai trò nhà thầu phụ.

- *Lĩnh vực xây lắp điện gió, năng lượng tái tạo*: Phấn đấu để trở thành nhà thầu chuyên nghiệp trong công tác gia công chế tạo trên bờ các công trình điện gió thuộc các dự án trang trại gió của Chủ đầu tư Orsted ở Đài Loan, cũng như các Chủ đầu tư khác trên thế giới. Tìm kiếm cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu cho ngành năng lượng tái tạo.

- *Lĩnh vực O&M, dịch vụ và logistic*: Khai thác tối đa năng lực của Bãi cảng Chế tạo Kết cấu kim loại và Thiết bị Dầu khí. Bên cạnh ưu tiên cho công tác triển khai thi công các công trình trên bãi cảng của đơn vị, xen kẽ phát triển dịch vụ bến cảng và kho bãi cho các đối tác trong và ngoài ngành dầu khí, dịch vụ bốc dỡ vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và các dịch vụ kỹ thuật hậu cần cơ khí biển. Kết hợp công tác thương mại vật tư với công tác dịch vụ cảng biển, kho bãi để thực hiện chuỗi logistic cung ứng cho khu vực TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong việc gia công, chế tạo các mặt hàng cơ khí xuất khẩu.

- Tập trung nhân lực để hoàn thiện hồ sơ, nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng dở dang, thu hồi công nợ tại các công trình/ dự án đã hoàn thành, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, NMNĐ Sông Hậu 1, Dự án Topside Đại Hùng Phase 3, Block B Phú Quốc, chân đế Lạc đà vàng và các dự án đang triển khai để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm các công việc mới, mở rộng thị trường kinh doanh với các đối tác nước ngoài như: Đài Loan, Ấn Độ, Na Uy và các dự án trong nước như: Chuỗi dự án Lô B - Ô môn, Đại Hùng Nam, Cửu Long; Đồng thời, theo dõi và liên tục cập nhật tình hình các dự án/ gói thầu đang chờ kết quả để có phương án bổ sung/ thay thế kịp thời nguồn việc đảm bảo kế hoạch năm.

- Thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý và kiểm soát, giám sát chặt chẽ chi phí tại các công trình/ dự án để đạt hiệu quả và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Bảo toàn nguồn vốn, đảm bảo xoay vòng dòng tiền có hiệu quả để phục vụ cho công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm nguồn việc mới cho Đơn vị.

- Tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán còn tồn tại trong Báo cáo tài chính các năm.

- Tái cơ cấu các khoản nợ, xây dựng kế hoạch, lộ trình trả nợ chi tiết phù hợp với tình hình tài chính của Công ty tránh các vấn đề liên quan đến pháp lý ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Tái cơ cấu lại danh mục tài sản, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ để nâng cao hiệu quả hoạt động; xem xét thanh lý những tài sản, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ hư hỏng không thể khắc phục, vật tư dư thừa không sử dụng đến để bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất và tái đầu tư.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/ gói thầu/ hạng mục công việc. Chủ động đàm phán với Tổng thầu/ Chủ đầu tư về các điều khoản thanh toán của từng hợp đồng/ dự án và các hạng mục ưu tiên triển khai đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn.

- Tiếp tục thực hiện các công việc tiếp theo trong phương án tái cơ cấu đã được Công ty mẹ - Tổng công ty PetroCons phê duyệt; Cải tiến mô hình hoạt động nhằm linh hoạt và hiệu quả hơn; Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý điều hành, các bộ phận chuyên môn, đặc biệt bộ phận làm công tác kế hoạch, thiết kế kỹ thuật, tiếp thị đấu thầu; Thực hiện định biên nhân sự, tinh gọn bộ máy, sắp xếp bố trí lao động hợp lý để tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc và tiết giảm chi phí.

- Rà soát, điều chỉnh, cập nhật đơn giá định mức nội bộ phù hợp với thị trường và tăng tính cạnh tranh trong công tác chào thầu.

- Mở rộng quan hệ với các ngân hàng/ tổ chức tín dụng, tạo dựng uy tín với các bạn hàng, đổi tác hướng tới mục tiêu đảm bảo tài chính, dòng tiền hoạt động của Công ty trong công tác chào giá, đấu thầu cũng như triển khai thực hiện dự án khi trúng thầu.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/ trong các quy chế, quy định và phù hợp với cơ cấu các phòng chức năng, đơn vị sau khi tổ chức sắp xếp lại, cũng như phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và thực tế hoạt động của Công ty.

- Ứng dụng một cách có hiệu quả các phần mềm khoa học công nghệ trong công tác quản trị điều hành, xử lý công việc, tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất; Cải tiến biện pháp, kỹ thuật thi công, tối ưu bộ định mức nội bộ để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thành nhiệm vụ SXKD, đảm bảo lợi ích Công ty và quyền lợi của cổ đông. HĐQT sẽ có báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ Đại hội gần nhất.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch phương hướng hoạt động năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông nghiên cứu, xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổng công ty PetroCons (b/c);
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Tôi tên là Trần Minh Ngọc, sinh ngày 20/05/1960, trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt điện.

Tôi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) ngày 28/4/2023 bầu làm Thành viên độc lập HĐQT Công ty.

Thực hiện nhiệm vụ Thành viên độc lập HĐQT, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT và các công việc tôi đã thực trong năm 2025, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY

1. Về tổ chức các cuộc họp HĐQT năm 2025:

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo, theo đúng các nguyên tắc, tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Nội dung cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ, cẩn trọng.

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính, tổ chức, nhân sự, văn hóa doanh nghiệp, ... đều được thảo luận, thống nhất phù hợp tình hình thực tế và chiến lược phát triển ngắn, dài hạn của Công ty. Đồng thời, có sự phối hợp, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành.

- Các cuộc họp về triển khai kế hoạch SXKD, thực hiện dự án và một số cuộc họp chuyên đề đều được bàn bạc, phân tích độc lập, góp ý và thống nhất trong HĐQT.

2. Về việc giám sát hoạt động Ban giám đốc:

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban giám đốc, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ, phù hợp với định hướng chiến lược, kịp thời điều chỉnh các quyết định khi có sự tác động, những biến động khác ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các Thành viên HĐQT được phân công theo dõi các lĩnh vực thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ, bất thường và chuyên đề với Ban điều hành. Qua đó, HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động SXKD của Công ty cũng như cập nhật

nhanh nhất các yêu cầu từ thực tế. Vậy nên, các quyết định của Ban giám đốc đều được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm đảm bảo thúc đẩy công việc, đồng thời đảm bảo lợi ích của Công ty.

- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban điều hành nhận diện sớm các vấn đề trong việc triển khai thi công các dự án và giúp Công ty duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của cổ đông.

3. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty:

- Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.

- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 với giá trị sản lượng thực hiện năm 2025 là 1.105,16 tỷ đồng, doanh thu là 974,40 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 14,78 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao là một sự nỗ lực, cố gắng của Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động.

4. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người liên quan của người nội bộ với Công ty:

- Công ty đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Đánh giá chung hoạt động của HĐQT:

- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2025 tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và quy định Pháp luật.

- Đến thời điểm 31/12/2025, HĐQT có 05 thành viên, trong đó 01 thành viên độc lập HĐQT, đầy đủ số lượng và cơ cấu theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

- Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của Công ty và lợi ích của cổ đông.

- HĐQT đã có các giải pháp hiệu quả, quyết định kịp thời để hỗ trợ Ban giám đốc trong quá trình vận hành Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Trong bối cảnh của Công ty năm 2025 đã phải đối diện và giải quyết khó khăn về tài chính, công nợ, làm ảnh hưởng tới hiệu quả SXKD và đặc biệt công tác tiếp thị đấu thầu. Vì vậy, năm 2026 và những năm tiếp theo HĐQT, BĐH nên và được chủ động xử lý linh hoạt hiệu quả về công tác quản trị, điều hành cũng như tái cơ cấu về vấn đề tài chính.

II. BÁO CÁO CÁC CÔNG VIỆC TÔI ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024.

1. Về chế độ làm việc:

- Tôi làm việc theo chế độ không thường xuyên tại trụ sở PVC-MS và theo sự phân công nhiệm vụ của HĐQT.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và trả đầy đủ ý kiến tại các Phiếu lấy ý kiến đúng thời hạn.

2. Về chế độ thù lao: Đến thời điểm hiện tại, PVC-MS thanh toán đầy đủ thù lao của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng chế độ thù lao hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Nhiệm vụ thực hiện:

- Trong năm vừa qua, Tôi đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, thực hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ngoài việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chung của Thành viên HĐQT, Tôi còn được phân công theo dõi và hỗ trợ xử lý các lĩnh vực sau:

+ Giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành của Công ty trên cơ sở báo cáo định kỳ/ đột xuất của Giám đốc trình HĐQT.

+ Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT theo quy định.

+ Theo dõi, giám sát các lĩnh vực:

- Công tác xây dựng hệ thống định mức, đơn giá của Công ty;
- Công tác khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Công tác thi công xây lắp, triển khai các dự án của Công ty trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng.

+ Phối hợp, hỗ trợ công tác lập, triển khai chiến lược phát triển cũng như công tác tiếp thị, đấu thầu các dự án; công tác pháp chế, quy chế/ quy định của Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổng công ty PetroCons (b/c);
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT


Trần Minh Ngọc

Số: 810 /BC-KCKL-KTTM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

V/v: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Ban giám đốc Công ty CP Kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí (PVC-MS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ SXKD năm 2026 như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025

I. Tình hình chung

Tổng quan về tình hình hoạt động SXKD của PVC-MS trong năm 2025 được duy trì ổn định, đánh dấu sự phục hồi về năng lực thi công cũng như niềm tin từ các khách hàng và đối tác trong và ngoài ngành. Về các chỉ tiêu kinh tế năm 2025 đều đạt và vượt kế hoạch năm được HĐQT Công ty giao. Để đạt được kết quả này, Công ty đã triển khai thực hiện hoàn thành Dự án P15, Chế tạo Topside Phú Quốc, Chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng; Đối với dự án Chế tạo Flare Tower đã thi công xong, được Tổng thầu/Chủ đầu tư lắp đặt trên biển vào đầu năm 2026; Dự án Chế tạo chân đế và Topside cho MDL của Ấn Độ đang thực hiện mua sắm vật tư và triển khai thi công chế tạo lắp đặt; Đối với gói thầu Trạm tiếp nhiên liệu mặt đất thuộc dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành – Giai đoạn 1 là dự án ngoài ngành, hiện đang gấp rút thi công để kịp bàn giao cho Tổng thầu/ Chủ đầu tư đúng tiến độ hợp đồng đã ký kết; đồng thời hoàn thành các dự án của khách hàng Alpha ECC và một số đối tác khác, đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ. Bên cạnh đó, việc Hợp tác khai thác diện tích trống, cung cấp dịch vụ hậu cần cũng được thực hiện với các khách hàng PTSC, PTSC M&C, Alpha,....

Song song với thi công, Công ty kiểm soát chặt chẽ chi phí, tăng cường quản trị hợp đồng, tối ưu sử dụng vật tư – nhân lực nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

Công tác tiếp thị đấu thầu cũng được Công ty đẩy mạnh, tích cực tiếp xúc các khách hàng, Chủ đầu tư, tìm kiếm và mở rộng thị trường, đặc biệt là các gói thầu cơ khí, kết cấu trong nước, dịch vụ chuyên ngành và các công trình dân dụng – công nghiệp để tìm kiếm công việc mới bổ sung cho hoạt động SXKD. Một số Hợp đồng được ký kết trong năm 2025 là kết quả nổi bật của quá trình tiếp thị, đấu thầu như: (i) Chế tạo Flare Tower với PTSC M&C vào tháng 4/2025; (ii) Thi công Trạm tiếp nhiên liệu mặt đất - Sân bay Long Thành là hợp đồng được ký vào tháng 6/2025 giữa Liên danh 3 nhà thầu (PVC-MS là thành viên liên danh) với đại diện của Chủ đầu tư là Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP; (iii) Chế tạo Topside Đại Hùng Nam được ký hợp đồng trong tháng 9/2025 với Tổng thầu VSP; (iv) 13 hợp đồng gia công chế tạo, lắp đặt kết cấu thép được ký hợp đồng trong Quý IV với Công ty Alpha ECC với tổng giá trị 18,92 tỷ đồng; (v) Đặc biệt, trong tháng 6, đơn vị đã trúng thầu và nhận Đơn hàng số 3290000011 về việc Gia công chế tạo 04 chân đế và 04 Topside cho Tổng thầu MDL từ Ấn Độ với giá trị trên 3.000 tỷ đồng – là đơn hàng/ hợp đồng có giá trị lớn nhất từ trước đến nay của đơn vị.

Các kết quả trên là cơ sở vững chắc và động lực mạnh mẽ để Công ty triển khai kế hoạch SXKD năm 2026 và các năm tiếp theo.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% Hoàn thành	Ghi chú
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	784,00	1.105,16	141,0%	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	725,00	947,40	130,7%	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,20	14,78	121,1%	
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	22,50	15,41	68,40%	
5	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ người/ tháng	15,50	18,70	120,65%	

1. Đánh giá, phân tích cụ thể các chỉ tiêu năm 2025

- Về Sản lượng: ước thực hiện năm 1.105,16/ 784,00 tỷ đồng, vượt 41,0% so với kế hoạch.
- Về Doanh thu: ước thực hiện năm 947,40/ 725,00 tỷ đồng, vượt 30,7% so với kế hoạch.
- Về lợi nhuận TT: ước thực hiện năm 14,78/ 12,20 tỷ đồng, vượt 21,1% so với kế hoạch.

Kết quả đạt được trong năm 2025 là nền tảng quan trọng cho hoạt động SXKD của Công ty trong các năm tiếp theo, tạo tiền đề để tiếp tục mở rộng thị trường, nâng cao năng lực thi công và củng cố vị thế của PVC-MS trong lĩnh vực cơ khí dầu khí.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động của đơn vị:

a) Về hoạt động thi công xây lắp:

Năm 2025, Công ty tập trung thực hiện các hợp đồng chính như:

- Thi công hoàn thành các dự án chuyển tiếp từ năm 2024 như thi công dự án P15 cho Tổng thầu VSP; Chế tạo Topside Phú Quốc, Chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng cho Tổng thầu PTSC M&C; Thi công hệ thống ống nước thải tại Long Sơn cho Công ty Văn Lang, cụ thể như sau:

+ Dự án P15: Đã hoàn thành thi công chế tạo trên bờ, hạ thủy, chằng buộc trên sà lan đảm bảo an toàn, chất lượng và bàn giao đúng tiến độ cho Tổng thầu VSP. Sản lượng, doanh thu thực hiện trong năm lần lượt là 142,69 tỷ đồng và 121,67 tỷ đồng.

+ Dự án Chế tạo Topside Phú Quốc và dự án Chế tạo chân đế Lạc Đà Vàng: Cả hai dự án đều đã hoàn thành và bàn giao cho tổng thầu PTSC M&C. Sản lượng, doanh thu thực hiện trong năm lần lượt là 565,46 tỷ đồng và 498,64 tỷ đồng.

+ Thi công hệ thống ống nước thải tại Long Sơn cho Văn Lang: Đã quyết toán và thanh lý hợp đồng trong tháng 11/2025, sản lượng và doanh thu trong năm 2025 lần lượt là 1,61 tỷ đồng và 2,79 tỷ đồng.

- Triển khai thực hiện Hợp đồng các dự án mới trong năm 2025 như Chế tạo Flare Tower cho Tổng thầu PTSC, Thi công Trạm tiếp nhiên liệu mặt đất - Sân bay Long Thành cho Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP; Gia công chế tạo, lắp đặt kết cấu thép (08 hợp đồng) cho Công ty Alpha ECC; Chế tạo chân đế và Topside cho MDL và Chế tạo Topside Đại Hùng Nam cho Tổng thầu VSP, cụ thể:

+ Dự án Chế tạo Flare Tower: Công ty ký Hợp đồng với PTSC M&C vào ngày 03/4/2025, dự án được chính thức khởi công ngày 23/01/2025. Đã thi công xong, bàn giao cho PTSC M&C Load-out lắp đặt ngoài biển vào đầu năm 2026. Sản lượng, doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 37,76 tỷ đồng và 31,50 tỷ đồng.

+ *Thi công Trạm tiếp nhiên liệu mặt đất - Sân bay Long Thành: Hợp đồng được ký kết vào ngày 30/6/2022, là hợp đồng Liên danh giữa 3 nhà thầu (trong đó PVC-MS là thành viên liên danh) với đại diện của Chủ đầu tư là Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP. Dự án được triển khai vào cuối tháng 9/2025. Đến 31/12/2025, tiến độ thi công đạt trên 40%. Sản lượng thực hiện năm 2025 đạt 6,2 tỷ đồng.*

+ *Gia công chế tạo, lắp đặt, làm sạch bề mặt và sơn kết cấu thép (13 hợp đồng) cho Công ty Alpha ECC: Các hợp đồng được ký kết trong tháng 10&11/2025 có tổng giá trị 18,92 tỷ đồng. Sau khi tiếp nhận vật tư và bản vẽ, Công ty đã triển khai thi công ngay. Sản lượng, doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 14,26 tỷ đồng và 8,69 tỷ đồng.*

+ *Dự án Chế tạo chân đế và Toppide cho MDL: Tháng 6/2025 được Tổng thầu MDL giao Đơn hàng số 3290000011 với giá trị trên 3.000 tỷ đồng - đơn hàng có giá trị lớn nhất từ trước đến nay. Hiện tại, Công ty đang tiến hành công tác mua sắm vật tư và triển khai thi công dự án. Sản lượng, doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 287,09 tỷ đồng và 218,64 tỷ đồng.*

+ *Dự án Chế tạo Toppide Đại Hùng Nam: Hợp đồng được ký kết với VSP vào ngày 17/9/2025. Dự án khởi công ngày 28/11/2025, dự kiến hoàn thành và sẵn sàng Load-out lắp đặt ngoài khơi vào ngày 21/4/2027.*

b) Về công tác thương mại, dịch vụ:

– Về hợp tác khai thác CSVC bãi cảng với Alpha ECC, PTSC, PTSC M&C, Lilama 18 và cung cấp dịch vụ cầu bến, hậu cần, logistic: Sản lượng, doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 45,78 tỷ đồng và 48,16 tỷ đồng.

– Về hoạt động kinh doanh khai thác cho thuê CSVC, quản lý văn phòng thương mại, quản lý chợ Phường 9 và các dịch vụ khác: Sản lượng, doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 7,38 tỷ đồng và 6,68 tỷ đồng.

3. Tình hình thực hiện đầu tư: Trong năm 2025, Công ty tập trung khai thác tối đa công năng của thiết bị, cơ sở vật chất do đó không thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị, xây dựng với giá trị lớn. Mua sắm một số công cụ dụng cụ để phục vụ thi công dự án và sắp xếp lại các hạng mục trên bãi cảng với chi phí 2,01 tỷ đồng.

4. Kết quả triển khai thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đơn vị đã đăng ký

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp thực hành tiết kiệm như: Sử dụng thiết bị, vật tư hiện có cho các công trình/dự án đang triển khai; Tự thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng CCDC và tiết giảm chi phí vận hành, quản lý và chi phí chung. Kết quả chung năm 2025, Công ty đã thực hiện tiết kiệm được 737,45 triệu đồng.

5. Kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp

Bộ máy tổ chức và các phòng, ban, đơn vị sản xuất hoạt động ổn định; tài sản, cơ sở vật chất, xe máy, trang thiết bị được tối ưu công năng; các chỉ tiêu kinh tế chính đều đạt và vượt so với giai đoạn trước khi thực hiện tái cấu trúc.

Hệ thống quy chế, quy trình thường xuyên được cập nhật, bổ sung/điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng được DNV cấp chứng chỉ và các chứng nhận chuyên ngành.

6. Kết quả thực hiện công tác lao động, đào tạo, khoa học công nghệ, an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức Đảng, Đoàn thể trong năm 2025

a) Công tác lao động:

– Trong năm 2025, khối lượng công việc Công ty tự thực hiện thi công lớn, đặc biệt tại

các dự án Block B (04 Topside), Lạc Đà Vàng (01 chân đế). Để đảm bảo tiến độ thi công, Công ty đã chủ động triển khai công tác huy động nhân lực với quy mô lớn, tổng số lao động tuyển dụng mới trong năm là 500 người:

Trong đó có hơn 400 lao động trực tiếp (thợ lắp, thợ hàn, giàn giáo, cơ khí, thợ sửa chữa, vận hành thiết bị, thợ phụ,...) và gần 100 lao động gián tiếp là kỹ sư, chuyên viên phục vụ công tác giám sát thi công, quản lý dự án, kiểm tra chất lượng, an toàn,...

– Công tác tiền lương được thực hiện đúng quy chế và đảm bảo nguyên tắc trả lương theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc; việc chi trả các chế độ, phụ cấp, thưởng được thực hiện kịp thời, đúng quy định, góp phần khích lệ tinh thần làm việc, giữ chân người lao động trong bối cảnh khối lượng công việc tăng cao.

b) Công tác đào tạo:

Công ty đã triển khai kế hoạch đào tạo chi tiết năm 2025, tập trung vào việc nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực. Trong năm, thực hiện 1049 lượt đào tạo (bằng 110,4% kế hoạch).

– Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn và quy định nội bộ, bao gồm:

(i) Đào tạo an toàn lao động theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP;

(ii) Đào tạo nội bộ, kiểm tra tay nghề;

(iii) Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, phổ biến quy chế – quy định của Công ty và văn hóa doanh nghiệp PVC-MS.

– Phối hợp với các cơ sở đào tạo, trường nghề, các đơn vị cung cấp nhân lực kỹ thuật nhằm đảm bảo nguồn cung nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các dự án trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

c) Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể:

– Công ty luôn quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên và người lao động.

– Trong năm, Công ty đã tổ chức/tạo điều kiện để CBCNV tham gia các hoạt động thể thao, phong trào thi đua do Công ty và Tổng công ty phát động, góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó trong tập thể.

– Công đoàn phối hợp cùng các đoàn thể tổ chức tôn vinh, khen thưởng các cá nhân điển hình tiên tiến, người lao động có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật mang lại giá trị cho sản xuất. Đồng thời, triển khai các chương trình hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết trong đại gia đình PVC-MS.

7. Đánh giá những nhiệm vụ chưa hoàn thành, các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025

Các tồn tại về tài chính chưa thể xử lý triệt để dẫn tới một số khó khăn trong việc triển khai hoạt động SXKD.

– Nợ phải trả lớn ảnh hưởng đến việc cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD, nếu không xử lý tốt rất dễ rơi vào các tranh chấp, kiện tụng tác động xấu đến uy tín, thương hiệu gây mất lòng tin của khách hàng, đối tác.

– Chưa thể thực hiện nâng cấp đồng bộ CSVC, trang thiết bị, ...

– Việc nghiên cứu áp dụng chuyển đổi số để tăng cường hiệu quả hoạt động SXKD và hoạch định chiến lược xây dựng nhân sự cho tương lai cũng bị trì hoãn do nguồn tài chính hạn hẹp.

PHẦN II
KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN
TRONG NĂM 2026

1. Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2025, từ sự ghi nhận khách quan của khách hàng đối với năng lực và uy tín của PVC-MS trong lĩnh vực xây lắp dầu khí và năng lượng tái tạo, Công ty đặt ra mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 để tập trung nỗ lực thực hiện, nhằm tạo cơ sở vững chắc góp phần hoàn thành từng bước những nhiệm vụ đề ra trong chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030. Các chỉ tiêu kế hoạch chính như sau:

- ✓ Giá trị sản lượng: 3.114,00 tỷ đồng
- ✓ Doanh thu: 3.120,00 tỷ đồng
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 41,40 tỷ đồng
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 41,40 tỷ đồng
- ✓ Nộp NSNN: 9,20 tỷ đồng
- ✓ Đầu tư: Năm 2026, Công ty chưa có kế hoạch đầu tư
- ✓ Tiền lương bình quân của người lao động: 22,47 triệu đồng/người/tháng
- ✓ Tỷ lệ chia cổ tức: Không chia cổ tức

2. Các giải pháp thực hiện nhằm đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

a) Về công tác thi công dự án:

– Tập trung mọi nguồn lực thực hiện dự án DSF-II đảm bảo các mốc tiến độ được Chủ đầu tư phê duyệt và đạt được các chỉ tiêu kinh tế đề ra. Năm 2026, dự án DSF-II dự kiến đạt 2.746 tỷ doanh thu chiếm hơn 87% tổng giá trị kế hoạch năm của toàn Công ty.

– Tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2025 như Đại Hùng Nam, Trạm tiếp nhiên liệu mặt đất – Cảng hàng không quốc tế Long Thành – giai đoạn 1; các gói thầu gia công cơ khí cho Alpha ECC, ... Kiểm soát chặt chẽ chi phí thực hiện các dự án, quản trị nguồn lực, phân bổ sử dụng tài sản, tài nguyên hiệu quả nhằm đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế được HĐQT phê duyệt cho mỗi dự án.

– PVC-MS đang trong giai đoạn phục hồi mạnh mẽ với các đơn hàng giá trị lớn. Để đảm bảo thực hiện các dự án đúng tiến độ, Công ty cần ưu tiên nguồn vốn lưu động, giảm bớt sự phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng và tiết giảm chi phí tài chính. Lợi nhuận dự kiến để củng cố nội lực, tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững và đảm bảo lợi ích dài hạn cho cổ đông trong các năm tiếp theo.

b) Về tổ chức, quản lý

– Xây dựng bộ phận quản lý (đặc biệt về quản lý thi công), nhằm chuyên sâu năng lực, tăng tính chặt chẽ trong giám sát và nắm bắt thông tin các dự án được nhanh chóng và hiệu quả.

– Phát triển, nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ tiếp thị đấu thầu để tiếp cận, tham gia thị trường nước ngoài.

– Xây dựng đội ngũ thiết kế, kỹ thuật giỏi, giàu kinh nghiệm trong chuyên ngành xây lắp Dầu khí cũng như năng lượng tái tạo.

– Xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề. Phát triển công tác đào tạo nội bộ, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho các loại thợ, trẻ hóa đội ngũ lực lượng CNKT. Từ Quý IV năm 2025, duy trì tối thiểu đội ngũ lao động trực tiếp khoảng 800 người có tay nghề cao, đầy đủ các chứng chỉ đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt của các khách hàng.

c) Về tài chính

- Tích cực tạo mối quan hệ và tiếp cận với các Tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn phục vụ hoạt động sản kinh doanh;

- Đàm phán cơ cấu lại các khoản nợ phải trả và có kế hoạch, lộ trình trả nợ hợp lý với các đơn vị cung ứng dịch vụ tránh rơi vào các tranh chấp, khiếu kiện ảnh hưởng hình ảnh uy tín và tình hình hoạt động SKXD chung của Công ty;

- Kiểm soát chi phí chặt chẽ và quản lý dòng tiền linh hoạt.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tổng thầu MDL và Chủ đầu tư ONGC dự án Chế tạo chân đế và Topside cho MDL, nhằm bảo đảm các khoản thanh toán được thực hiện đầy đủ, đúng hạn theo giá trị đã được xác nhận tại từng mốc/đợt thanh toán, phù hợp với điều khoản của đơn hàng; qua đó bảo đảm dòng tiền thực hiện dự án, giảm thiểu chi phí tài chính, giảm thiểu ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng và hạn chế nguy cơ bị phạt do chậm tiến độ.

- Phối hợp Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam/Công ty cảng Sao Mai Bến Đình để làm việc với các cấp có thẩm quyền xin miễn giảm thuế đất tại Bãi cảng Sao Mai Bến Đình.

d) Về công tác phát triển thị trường, tiếp thị đầu thầu

Tiếp tục duy trì và chú trọng công tác tiếp thị, tìm kiếm dự án mới, tham gia đầu thầu/chào giá để chuẩn bị việc làm cho các năm tiếp theo, trong các lĩnh vực:

- Lĩnh vực xây lắp đầu khí truyền thống:

+ Phối hợp cùng Tổng công ty mẹ PetroCons và các đối tác trong/ ngoài nước tiếp thị/chào thầu để cùng thực hiện các dự án kho chứa, bồn bể, vận chuyển, chế biến dầu, khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị trong ngành đầu tư theo các hình thức: nhà thầu xây lắp, nhà thầu phụ đặc biệt cho các dự án có tổng thầu nước ngoài;

+ Cùng Tổng công ty PetroCons và các đối tác khác tham gia chào thầu và thi công các công trình hạ nguồn thuộc chuỗi dự án Lô B - Ô Môn như đường ống dẫn khí trên bờ, các trạm valve, trạm phân phối khí và Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn 4 theo tiến độ thực hiện của từng dự án.

+ Tham gia chào thầu để thi công các hạng mục cơ khí, lắp đặt các Dự án Nhà máy Nhiệt điện.

+ Là nhà thầu gia công chế tạo trên bờ các khối thượng tầng, các kết cấu chân đế; cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi gia công chế tạo và cơ sở vật chất cho các khách hàng có nhu cầu như PTSC, PTSC M&C, VSP,

+ Theo dõi sát sao các dự án của các đơn vị mạnh như VSP, PTSC, PTSC M&C, ... chủ động tham gia đấu thầu từ giai đoạn sớm nhất để đảm nhận vai trò nhà thầu phụ.

- Lĩnh vực xây lắp điện gió, năng lượng tái tạo:

+ Phân tích sâu sắc thành công của dự án CHW2204, đúc rút kinh nghiệm để trở thành nhà thầu chuyên nghiệp trong công tác gia công chế tạo trên bờ các công trình điện gió thuộc các dự án trang trại gió của Chủ đầu tư Orsted ở Đài Loan, cũng như các Chủ đầu tư khác trên thế giới. Xem xét khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu cho ngành năng lượng tái tạo.

- Lĩnh vực O&M, dịch vụ và logistic:

+ Đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh phụ trợ như cung cấp dịch vụ, thương mại, logistic: Khai thác các gói thầu/dự án ngắn hạn, có vòng quay vốn nhanh.

+ Trên cơ sở tiềm năng sẵn có của Bãi cảng Chế tạo Kết cấu kim loại và Thiết bị Dầu khí, phát triển dịch vụ bến cảng và kho bãi cho các đối tác trong và ngoài ngành dầu khí, dịch vụ bốc dỡ vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và các dịch vụ kỹ thuật hậu cần cơ khí biển. Mục tiêu lĩnh vực này chỉ là khai thác xen kẽ, phát huy tối đa công năng nhưng dành ưu tiên cho công tác triển khai thi công các công trình trên Bãi Cảng. Kết hợp công tác thương mại vật tư với công tác dịch vụ cảng biển, kho bãi để thực hiện chuỗi logistic cung ứng.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2026 của Công ty PVC-MS.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty PetroCons;
- HĐQT, Ban KS;
- Ban GD;
- Lưu VT, KT-TM *[Handwritten signature]*

Ký tắt:

- Phòng KT-TM: *[Handwritten signature]*



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phan Khắc Mẫn



TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2026.

BÁO CÁO

V/v: Thực hiện Hợp đồng/Đơn đặt hàng phần việc CUNG CẤP CHÂN ĐẾ VÀ PHẦN THƯỢNG TẦNG CHO CÁC GIÀN ĐẦU GIẾNG C37-A, NMT-A, D-33A & SB-15A, CÙNG VỚI VẬT LIỆU CHO DỰ ÁN ONGC WPAPP DSF-II bên ngoài khu vực bãi thi công MDL (Dự án DSF-II)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc giao và ủy quyền cho HĐQT Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí phê duyệt các phương án SXKD phát sinh trong năm và báo cáo nội dung, kết quả thực hiện tại kỳ Đại hội gần nhất tại Nghị quyết số 74/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 16/6/2025;

Trên cơ sở Đơn đặt hàng số 3290000011 đề ngày 11/6/2025 của Mazagon Dock Shipbuilders Limited (MDL), theo thẩm quyền tại Quy chế quản lý Hợp đồng của Công ty, Giám đốc Công ty đã trình HĐQT xem xét, thông qua việc ký kết Hợp đồng/Đơn đặt hàng đối với phần việc Cung cấp chân đế và phần thượng tầng cho các giàn đầu giếng C37-A, NMT-A, D-33A & SB-15A, cùng với vật liệu cho dự án ONGC WPAPP DSF-II bên ngoài khu vực bãi thi công MDL (Dự án DSF-II), với các thông tin chính như sau:

I. Thông tin chung về Gói thầu:

- Dự án: Giàn Đầu giếng & đường ống liên kết (DSF-II);
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Dầu khí và Khí đốt thiên nhiên Ấn Độ/Oil and Natural Gas Corporation Ltd (ONGC);
- Nguồn vốn thực hiện: Vốn từ Tập đoàn Dầu khí và khí đốt thiên nhiên (ONGC).
- Tổng thầu: Mazagon Dock Shipbuilders Limited, Mumbai (MDL);
- Nhà thầu Tư vấn quản lý kỹ thuật và mua sắm: Nauvata Energy Transition Enterprise Pvt. Ltd., Bangalore (NETE);
- Gói thầu: Cung cấp chân đế, cọc móng và phần thượng tầng cho các giàn đầu giếng C37-A, NMT-A, D-33A & SB-15A, cùng với vật liệu cho dự án ONGC WPAPP DSF-II bên ngoài khu vực bãi thi công MDL;
- Bên giao thầu: Mazagon Dock Shipbuilders Limited, Mumbai (MDL);
- Nhà thầu thi công: Công ty cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;
- Địa điểm thi công: Bãi cảng chế tạo kết cấu Kim loại và thiết bị Dầu khí thuộc Khu căn cứ dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, số 65A3 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP Hồ Chí Minh.



II. Thông tin chung về Hợp đồng/Đơn đặt hàng:

1. Phạm vi thực hiện của PVC-MS: Cung cấp chân đế và phần thượng tầng cho các giàn đầu giếng C37-A, NMT-A, D-33A & SB-15A, bao gồm: Quản lý bãi thi công, thiết kế bản vẽ chế tạo (Fabrication Drawings), thiết kế bản vẽ bố trí cất vật liệu (Nesting Drawing), mua sắm toàn bộ vật tư (trừ các vật tư cấp phát miễn phí EXW India bởi Tổng thầu gồm: Ball Valve, Shutdown Valve, Special Item, Deck Crane, Máy nén khí, Máy phát điện dự phòng, Bình tách, Hipps system, Multiphase Flow Meter), quản lý vật tư, chế tạo, tiền chạy thử và chạy thử tại bãi cảng PVC-MS, hạ thủy và gia cố trên tàu (bao gồm cả hệ kết cấu đỡ), hỗ trợ chạy thử ngoài khơi.
2. Địa điểm thi công: Bãi cảng chế tạo kết cấu Kim loại và thiết bị Dầu khí thuộc Khu căn cứ dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, số 65A3 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP Hồ Chí Minh.
3. Tiến độ thực hiện Hợp đồng/Đơn hàng từ ngày đặt hàng như sau:

Stt	Hạng mục	Thời gian thực hiện			
		C37-A	NMT-A	D33-A	SB15A
1	Chân đế	26 tuần	26 tuần	35 tuần	33 tuần
2	Khối thượng tầng	45 tuần	45 tuần	45 tuần	45 tuần

4. Phạt chậm tiến độ:

Stt	Khoảng thời gian chậm tiến độ	Mức phạt mỗi tuần trên giá trị Hợp đồng của công việc liên quan
A	Từ 0 đến ≤ 10 tuần	0,10%
B	Trên 10 đến ≤ 20 tuần	0,20%
C	Trên 20 đến ≤ 30 tuần	0,30%
D	Trên 30 tuần	0,40%

Lưu ý:

- Mức phạt áp dụng theo bảng trên tính trên số lượng nguyên hạng mục bị chậm trễ, không áp dụng dựa trên phần trăm thanh toán hoặc phần trăm công việc còn lại, tổng mức phạt tối đa sẽ không vượt quá 10%.
- Trong trường hợp việc bàn giao phần thượng tầng bị chậm do lỗi của PVC-MS, có thể sẽ không thể lắp đặt kết cấu ngoài khơi do bắt đầu mùa gió mùa. Trong tình huống như vậy, MDL có thể yêu cầu bảo quản kết cấu cho đến ngày 31/10/2026 tại bãi cảng PVC-MS. Không có khoản chi phí bổ sung nào được áp dụng nếu việc chậm trễ không phải do lỗi của MDL.
- Sau khi hoàn thành khối thượng tầng và trong thời gian lưu bãi kéo dài như đã nêu ở trên, phạt chậm tiến độ sẽ không được áp dụng.

5. Giá trị Đơn đặt hàng: **115.760.015,00 USD**, FOB PVC-MS' Port, Vũng Tàu, Việt Nam, Incoterms.
6. Tạm ứng, thanh toán:
- Tạm ứng: Không.
 - Thanh toán:
 - + Chân đế: Được chia thành 3 mốc chính: Hoàn thành đặt hàng mua sắm (15%); nhận vật tư tại bãi chế tạo (20%); thanh toán phần chế tạo theo khối lượng hoàn thành hàng tháng (65%).
 - + Khối thượng tầng: Theo mốc công việc hoàn thành (32 mốc) đối với từng khối thượng tầng gồm các mốc chính như: Hoàn thành đặt hàng mua sắm, nhận vật tư tại bãi chế tạo và các mốc thanh toán cho phần thi công.
 - Thời hạn thanh toán: Khoản thanh toán có thể được thực hiện qua RTGS/NEFT/SWIFT trong vòng 15 ngày, dựa trên khối lượng công việc thực tế đã hoàn thành và trên cơ sở nộp đầy đủ các chứng từ liên quan theo yêu cầu.
7. Các bảo lãnh:
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng/Đơn hàng: Bảo lãnh có thể được thực hiện dưới dạng NEFT / Hối phiếu / Lệnh chi / Bảo lãnh ngân hàng / Trái phiếu bảo hiểm / e-Bank Guarantee, giá trị bằng 10% trên Tổng giá trị Đơn hàng (không bao gồm thuế và phí); Được nộp trong vòng 25 ngày kể từ ký Đơn hàng và phải có hiệu lực 60 ngày sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ Hợp đồng (bao gồm cả nghĩa vụ bảo hành). Thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày bàn giao công trình. Nhà thầu phải cung cấp chứng nhận bảo hành hợp lệ. Trong thời gian bảo hành, mọi lỗi phát sinh do vật liệu kém chất lượng hoặc thi công sai sót sẽ được sửa chữa hoặc thay thế một phần hoặc toàn bộ miễn phí. Mọi thiệt hại liên quan do lỗi kỹ thuật, vật liệu kém chất lượng hoặc sự cầu thả của nhà thầu sẽ được sửa chữa hoặc thay thế hoàn toàn miễn phí.
 - Ngoài ra, nhà thầu còn phải cung cấp bảo lãnh phân việc son, với thời hạn 36 tháng cộng thêm 2 tháng để xử lý yêu cầu, với giá trị như sau:
 - + Đối với chân đế: 50,00,000 INR/Jacket tương đương 1,52 tỷ đồng/chân đế (1 INR = 303,09 VNĐ);
 - + Đối với khối thượng tầng: 5,50,00,000 INR tương đương 16,67 tỷ đồng (1 INR = 303,09 VNĐ).

III. Các chỉ tiêu kinh tế dự kiến của Hợp đồng (theo Quyết định phê duyệt Dự toán chi phí của Hội đồng Quản trị Công ty):

Stt	Nội dung	Tỷ lệ	Dự toán chi phí	Ghi chú
A	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG/ ĐẦU THU (G)		3.009.760.390.156	
B	CHI PHÍ THỰC HIỆN		3.009.760.390.156	
I	Mua sắm vật tư, thiết bị chính và dịch vụ liên quan (bao gồm thuế Nhà thầu nước ngoài)		1.603.366.687.691	

Stt	Nội dung	Tỷ lệ	Dự toán chi phí	Ghi chú
II	Thi công (Chi phí trực tiếp)		703.729.604.552	
III	Chi phí Ban ĐHDA		77.766.000.000	
IV	Chi phí khác		11.580.000.000	
V	Chi phí hạ tầng bãi cảng		40.814.538.050	
VI	Chi phí tài chính		72.935.699.893	
VII	<i>Phí ủy thác nhập khẩu vật tư, thiết bị</i>		<i>81.654.924.367</i>	
VIII	<i>Lãi do chậm nộp Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng</i>		<i>2.282.358.260</i>	
IX	Quản lý, lợi nhuận và dự phòng		415.630.577.342	
1	Chi phí quản lý Công ty	5%xG	150.488.019.507	
2	Lợi nhuận định mức	3,5%xG	105.341.613.655	
3	Chi phí dự phòng		159.800.944.180	
	CHÊNH LỆCH (A-B)		-	

IV. Mục tiêu của PVC-MS khi thực hiện triển khai Dự án DSF-II:

- Dẫn khôi phục lại năng lực thực hiện Dự án Xây lắp trong ngành Dầu khí, đặc biệt trong lĩnh vực Oil&Gas hướng đến là Tổng thầu EPC theo định hướng phát triển PVC-MS trong giai đoạn 2025-2030;
- Tạo nguồn doanh thu lớn cho đơn vị và đảm bảo hoạch năm của PVC-MS, ổn định việc làm cho người lao động;
- Tận dụng, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, hệ thống nhà xưởng và trang thiết bị... đã được đầu tư trên bãi cảng 23ha của PVC-MS;
- Đạt mục tiêu về lợi nhuận gộp mang lại từ dự án là 8.5%, lợi nhuận mang lại từ Dự án góp phần vào thanh toán nợ phải trả của đơn vị, cũng như tái đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho các Dự án tiếp theo.
- Đưa hình ảnh năng lực của PVC-MS đến với các chủ đầu tư ngoài lãnh thổ Việt Nam

V. Tình hình triển khai:

1. Phương án Tổ chức thực hiện:

- Đối với PVC-MS: Thực hiện công tác thiết kế bản vẽ shopdrawing và triển khai thi công Dự án theo yêu cầu của Khách hàng MDL;
- Đối với Tổng Công ty Petrocons: Thực hiện công tác mua sắm toàn bộ vật tư/thiết bị nhập khẩu theo Hợp đồng Ủy thác nhập khẩu.

2. Công tác mua sắm:

- Đã ký hợp đồng với nhà cung cấp 50/64 gói, 02 gói phát hành thư giao thầu, đang hoàn thiện thủ tục ký hợp đồng, trong đó các gói cấp bách là thép hình, thép tấm các loại phục vụ cho việc gia công chế tạo kết cấu thép của Topside và Jacket
- Các gói còn lại đơn vị sẽ thực hiện ký kết mua sắm trong tháng 04/2026 Bao gồm: 05 gói Taggeds Item, 09 gói Electrical & Instrumentation.
- Tổng giá trị Đơn hàng đã ký thông qua Tổng công ty là: 38,332,859 USD.
- Tổng giá trị Đơn hàng PVC-MS ký đơn vị cung cấp trong nước là: 54,913,703,900 đồng.
- Công tác mua sắm cập nhật tiến độ đến thời điểm hiện tại là:
 - + Đối với Jacket: Tiến độ đến ngày 30/03/2026 đạt 69.06%. Trong đó phần thép đã đặt hàng đã về công trường, các gói Taggeds Item Jacket đã đặt hàng đang chờ tàu để vận chuyển như CP protection shipment -1, PS for Shock Cells, Fenders & Rubstrips.
 - + Đối với Topside: Tiến độ đến ngày 30/03/2026 đạt 40.16%. 43 gói Tagged Item đã đặt hàng, 02 gói đã phát hành thư giao thầu, 02 gói đang đàm phán hợp đồng. 01 gói nhận RFQ ngày 26.03.26 đang tiến hành lựa chọn nhà Cung cấp. Phần Bulk Item các gói Electrical & Instrument đang tiến hành công tác lựa chọn nhà Cung cấp. Thiết bị nặng như: Tank, Vessel, IUG, CO2 Suffing chế tạo được 90%~100% đang chờ phát hành LC để nhận hàng. Gói Helideck Alimuminium nhà cung cấp đã thiết kế và mua vật tư để chế tạo. Các 04 gói do Tổng thầu MDL cung cấp như Deck Crane, Ball Valve... đã ký hợp đồng vận chuyển để nhận hàng về Việt Nam trong tháng 04.2026.

3. Công tác thi công:

- Hiện nay PVC-MS đang tập trung triển khai thi công kết cấu thép 04 Jacket và 04 Topside dự án DSF-II với tổng tiến độ đạt được cụ thể như sau:
 - + Đối với Jacket: Tiến độ đến ngày 20/03/2026 đạt 30,08%, chậm 0,53%
 - + Đối với Topside: Tiến độ đến ngày 20/03/2026 đạt 11,96%, chậm 10,44%
- Tập trung mọi nguồn lực để bàn giao sản phẩm cho Tổng thầu MDL như sau:
 - + Bàn giao hai Jacket C37-A, NMT-A: 30/8/2026.
 - + Bàn giao hai Jacket D33-A, SB15A: 15/10/2026.
 - + Bàn giao hai Topside C37-A, NMT-A: 15/11/2026.
 - + Bàn giao hai Topside D33-A, SB15A: 15/12/2026.

4. Công tác thanh toán với Tổng thầu MDL:

Stt	Số hóa đơn	Giá trị hóa đơn (USD)	Giá trị đã thanh toán (USD)	Giá trị còn lại (USD)
1	24006PVCMS-TS-01	2,575,802.03	2,230,438.82	257,580.20
2	24006PVCMS-PF-01	3,147,766.22	2,832,989.60	314,776.62
3	24006PVCMS-PF-02	795,398.86	715,858.97	79,539.89
4	24006PVCMS-PF-03	1,849,938.28	1,662,607.75	184,993.83

Stt	Số hóa đơn	Giá trị hóa đơn (USD)	Giá trị đã thanh toán (USD)	Giá trị còn lại (USD)
5	24006PVCMS-PF-04	2,794,540.60	2,436,934.60	279,454.06
6	24006PVCMS-PF-05	1,730,497.08	1,529,570.02	173,049.71
7	24006PVCMS-PF-06	1,383,497.49	1,226,951.77	138,349.75
8	24006PVCMS-PF-07	6,091,104.96	5,361,489.78	609,110.50
	Tổng cộng	20,368,545.52	17,996,841.31	2,036,854.55

VI. Khó khăn khi triển khai thực hiện Dự án DSF-II:

1. Khác nhau về văn hóa hai Quốc gia:

- Sự khác biệt nền văn hóa giữa hai Quốc gia dẫn tới một số bất cập trong quá trình kết nối làm việc, quy trình làm việc và quy định khác nhau dẫn tới sự không đồng nhất trong việc thực hiện công việc. Bên cạnh đó khoảng cách địa lý cũng là một cản trở trong quá trình trao đổi công việc và triển khai công việc đặc biệt các công việc cần trao đổi trực tiếp.

➤ **Để giải quyết các vướng mắc trên:** PVC-MS đã cử đại diện bộ phận chuyên môn cư trú tại ấn độ kết nối làm việc với Tổng thầu MDL, đơn vị tư vấn thiết kế của Tổng thầu MLD, các đơn vị tư vấn kỹ thuật cho PVC-MS để kịp thời giải quyết tháo gỡ các vướng mắc về mặt thiết kế, kỹ thuật, công tác thanh toán và các công tác khách liên quan đến dự án.

2. **Thuế TDS:** Mặc dù Giá Hợp đồng không bao gồm thuế, tuy nhiên MDL đã đơn phương khấu trừ 10% thuế TDS khi thực hiện thanh toán Đợt 1 ÷ Đợt 4 cho PVC-MS. Vấn đề này đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới dòng tiền thực hiện Đơn hàng và có khả năng gây ra tranh chấp giữa PVC-MS và MDL trong thời gian tới.

➤ **Giải pháp xử lý:** PVC-MS đang tiếp tục làm rõ với Tổng thầu MDL về việc khấu trừ thuế này không đúng với quy định của Hợp đồng, bên cạnh đó hiện nay PVC-MS cũng đã thuê các đơn vị Tư vấn pháp lý, tư vấn thuế để tham gia giải quyết vấn đề trên.

3. Thực trạng tài chính của PVC-MS:

Tính đến thời điểm hiện tại, tình hình tài chính của PVC-MS rất khó khăn do ảnh hưởng của giai đoạn 2018-2023 nguồn công việc không đảm bảo, khi thực hiện các Dự án bị ảnh hưởng các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến việc thực hiện Dự án không hiệu quả, thực trạng như sau:

- Nợ phải trả đến thời điểm hiện tại: 593 tỷ đồng, trong đó nợ quá hạn hơn 500 tỷ đồng;
- Khó khăn làm việc với các Tổ chức tín dụng để thu xếp cấp hạn mức phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh của Đơn vị dẫn đến khó khăn dòng vốn lưu động khi thực hiện dự án, trong những năm qua khi thực hiện dự án phụ thuộc rất nhiều dòng tiền back to back của Khách hàng.

➤ **Giải pháp để tháo gỡ:**

- Đối với nợ khách hàng: PVC-MS đã nỗ lực đàm phán với khách hàng giãn kế hoạch trả nợ, giảm giá trị quyết toán để chia sẻ các khó khăn của đơn vị gặp phải.

- Tổng công ty Petrocons:
 - + Hỗ trợ dòng tiền cho công tác mua sắm thông qua việc ký hợp đồng UTKN vật tư/thiết bị nhập khẩu;
 - + Hỗ trợ đơn vị trong công tác ban hành bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và làm việc với Tổ chức tín dụng mở hạn mức tín dụng thực hiện Dự án DSF-II;


VII. Đề xuất kiến nghị:

- Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiếp tục giao và ủy quyền cho HĐQT Công ty tổ chức và triển khai thực hiện Dự án DSF-II theo các nội dung trên và sẽ báo cáo kết quả thực hiện Dự án DSF-II ở kỳ Đại hội gần nhất.

Trên đây là báo cáo của PVC-MS về tình hình triển khai thực hiện Đơn hàng số 3290000011 - Dự án DSF-II đến thời điểm báo cáo, kính đề nghị Hội đồng cổ đông xem xét.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi; 
- Tổng công ty PetroCons (b/c);
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



Vũng Tàu, ngày 23 tháng 4 năm 2026.

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 20/05/2024;

Ban kiểm soát PVC-MS báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động năm 2025 của PVC-MS và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026 như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Về tổ chức: Ban kiểm soát có 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang : Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 16/6/2025);
- Bà Nguyễn Thị Thu Anh : Trưởng BKS (bỏ nhiệm ngày 16/6/2025);
- Ông Hoàng Văn Hải : Thành viên;
- Bà Vũ Thị Châm : Thành viên.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, luôn đảm bảo tính trung thực, khách quan.
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2025 và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty PVC-MS đã ban hành;
- Kiểm tra, giám sát công tác lập Báo cáo kiểm kê, Báo cáo tài chính quý/ năm đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Phối hợp với kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo năm. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025;
- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành, thực hiện các quy chế, quy định do Công ty ban hành; Đề xuất các ý kiến sửa đổi, bổ sung đối với các quy chế quản lý nội bộ không còn phù hợp.
- Tháng 12/2025 Ban kiểm soát Công ty tiến hành rà soát tình hình thực hiện SXKD năm 2025 trước khi kết thúc năm tài chính.
- Thường xuyên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
- Thực hiện chế độ báo cáo giám sát định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ban kiểm soát Tổng công ty PetroCons



3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

- Năm 2025 BKS đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, đồng thời thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nhiệm vụ được giao. Các thành viên BKS đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát đã thực hiện nhiều hoạt động thường xuyên và đột xuất khác như cử đại diện tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGD đóng góp nhiều ý kiến về quản trị điều hành Công ty.

- Thống kê các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không Tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS	2/2	50%	Miễn nhiệm ngày 16/06/2025
2	Nguyễn Thị Thu Anh	Trưởng BKS	4/4	100%	Bỏ nhiệm ngày 16/06/2025
3	Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	4/4	100%	
4	Vũ Thị Châm	Thành viên BKS	2/2	50%	Bỏ nhiệm ngày 16/06/2025

4. Tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các TV BKS trong năm 2025:

Ban kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2025 đã được ĐHCĐ thông qua, các thành viên BKS chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. BKS thường xuyên giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Qua kiểm tra, giám sát đã gửi tới HĐQT, Ban giám đốc Công ty về các vấn đề còn tồn tại hạn chế, các rủi ro tiềm ẩn. Ban kiểm soát tự đánh giá mức độ hoàn thành của các thành viên như sau:

- Bà Nguyễn Thị Thu Anh - Trưởng BKS : Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Ông Hoàng Văn Hải - Thành viên BKS : Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Bà Vũ Thị Châm - Thành viên BKS : Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

PHẦN II: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2025

I. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện 2024	Năm 2025			Tỷ lệ thực hiện so với 2024 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	
1	Giá trị sản lượng	543,04	784,0	1.105,20	141,0%	203,5%
2	Doanh thu	579,63	725,0	947,40	130,7%	163,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	10,67	12,2	14,78	121,1%	138,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	9,95	-	14,78	-	-
5	Phải nộp NSNN	24,60	22,5	15,41	68,4%	62,6%
6	Cổ tức	0	0	0	-	-

2. Công tác đầu tư, mua sắm:

- Năm 2025, Công ty không thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị, xây dựng với giá trị lớn, chỉ mua sắm một số công cụ dụng cụ để phục vụ thi công dự án và sắp xếp lại các hạng mục trên bãi cảng với chi phí 2,01 tỷ đồng. Các chi phí này sẽ được Công ty phân bổ dần vào các dự án sẽ triển khai trong thời gian tới trên bãi cảng theo quy định.

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Ghi chú
1	Máy đo độ dày bề mặt Non-ferrous	38.850.000	Mua sắm mới
2	Máy đo độ ẩm, điểm sương nhiệt độ bề mặt G319-S	37.790.000	Mua sắm mới
3	Thiết bị đo kiểm lượng khí Oxygen Model RG350520	82.500.000	Mua sắm mới
4	Thiết bị đo kiểm lượng khí Oxygen Model RG350520	82.500.000	Mua sắm mới
5	Xe nâng bán tự động CTD10/25	33.333.333	Mua sắm mới
6	Bộ lưu trữ mạng Synology DS1825+18, 8GB	36.243.000	Mua sắm mới
7	Máy tính xách tay MSI Katana 15HX B14WEK-027VN	44.850.000	Mua sắm mới
8	Lắp đặt, cải tạo nhà container FVS 2 tầng	1.661.699.665	Cải tạo lại
	Tổng cộng	2.017.765.998	

- Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang: Trong năm 2025 Công ty không đầu tư mới, số dư tại ngày 31/12/2025 là 1,59 tỷ đồng, đây là khoản chi phí thiết kế dự án Đầu tư Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Giai đoạn II – Phân kỳ 3 theo Quyết định số 228/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 31/10/2015 của Hội đồng quản trị công ty, tổng mức đầu tư dự án là 262,39 tỷ đồng. Hiện tại dự án tạm dừng triển khai do chưa đủ kinh phí để thực hiện.

- **Các khoản đầu tư tài chính:** tại thời điểm 31/12/2025 số dư góp vốn vào các công ty như sau: (1) Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí 50 triệu đồng và (2) Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh: 5 tỷ đồng (đã trích lập dự phòng 100% là 5 tỷ đồng). Trong đó Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh nhiều năm hoạt động không hiệu quả, đã kiến nghị Tổng công ty hỗ trợ tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản vốn góp trên nhưng chưa thành công.

3. Công tác tổ chức nhân sự, lao động, tiền lương, chế độ chính sách:

- Trong năm 2025, Công ty đảm bảo việc làm cho người lao động, duy trì được được bộ phận lao động gián tiếp, các quyền lợi BHXH được đảm bảo. Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2025 là 616 người.

Tổng quỹ lương trích trong năm là 195,79 tỷ đồng, tiền lương bình quân 18,7 triệu đồng/người/tháng (năm 2024 là 15,5 triệu) so với năm 2024 tăng 26,65%.

Tuy nhiên, trong năm Công ty chi trả lương cho người lao động còn chậm, chưa kịp thời. Để đảm bảo quyền lợi, chăm lo đời sống cho người lao động yên tâm công tác phục vụ cho hoạt động SXKD của công ty, đề nghị công ty thanh toán lương kịp thời đầy đủ theo quy định.

4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định quản lý nội bộ Công ty:

Hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty ban hành tương đối đầy đủ, tuy nhiên cần phải điều chỉnh, sửa đổi thường xuyên cho phù hợp với thực tế SXKD của Công ty. Trong năm 2025 HĐQT đã sửa đổi bổ sung một số Quy chế, Quy định quan trọng như:

- i) Quyết định số 41/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 11/04/2025: Sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng Công ty
- ii) Quyết định số 59/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 19/05/2025: Sửa đổi và ban hành lại Bảng giá ca máy nội bộ và thiết bị thi công của Công ty
- iii) Quyết định số 121/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 15/09/2025: Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ

5. Công tác tài chính kế toán năm 2025:

- Công tác Báo cáo tài chính: Trong năm 2025 Phòng Tài chính Kế toán đã thực hiện lập và công bố thông tin Báo cáo tài chính định kỳ đúng theo quy định.
- Công tác quyết toán và thu hồi công nợ đã được Công ty thực hiện quyết liệt, tình hình nợ xấu đã được giải quyết một phần, nhưng số nợ phải thu khách hàng còn lớn là 222,37 tỷ, Công ty vẫn còn một số khoản nợ tồn đọng chưa thu hồi được dẫn đến phải trích lập dự phòng 14,86 tỷ đồng (như phải thu Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông dự án 5B số tiền 3,66 tỷ đồng; phải thu tiền mua căn hộ chung cư và chi phí điện nước, vận hành số tiền là 4,42 tỷ đồng;....)
- Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, trong năm 2025 tổng số thuế đã nộp NSNN là 28,36 tỷ đồng.
- Công tác thu xếp vốn: Trong năm công ty đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng BIDV hạn mức cho vay là 223,4 tỷ đồng và doanh số cho vay tối đa 446,8 tỷ đồng; thỏa thuận cấp hạn mức bảo lãnh với Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển 100 tỷ đồng để bổ sung kịp thời nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD của công ty.
- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu: Trong năm 2025 công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố đầu kỳ chi phí thuê đất Bãi cảng Sao Mai Bến Đình và quyền sử dụng đất dự án 02 Nguyễn Hữu Cảnh với tổng giá trị là 44,77 tỷ đồng. Tại thời điểm 01/01/2025 vốn chủ sở hữu sau điều chỉnh là 76,84 tỷ đồng /600 tỷ đồng vốn góp của CSH (chiếm 12,80%), vốn chủ sở hữu âm 523,15 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2025 vốn chủ sở hữu 91,62 tỷ đồng /600 tỷ đồng vốn góp của CSH (chiếm 15,27%), vốn chủ sở hữu âm 508,38 tỷ đồng giảm âm vốn 14,78 tỷ đồng so với năm 2024 do trong năm 2025 đơn vị hoạt động SXKD có lãi 14,78 tỷ đồng bù đắp. Vì vậy Công ty cần tiếp tục phát huy và đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm các dự án mới để mở rộng và phát triển hoạt động SXKD nhằm mang lại lợi nhuận để bù đắp, giảm lỗ lũy kế và khôi phục lại vốn chủ sở hữu.

II. Thẩm định Báo cáo tài chính 2025:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Theo số liệu Báo cáo tài chính 2025 của công ty và của kiểm toán độc lập, như sau:

- Tổng doanh thu: 947,40 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 932,62 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 14,78 tỷ đồng.

2. Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2025 (tỷ đồng)	31/12/2024 (tỷ đồng)	So sánh năm 2025 với 2024	
				Tăng/giảm (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
A	TỔNG TÀI SẢN	984,95	832,09	152,86	18%
I	Tài sản ngắn hạn	552,71	334,52	188,19	56%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	11,94	51,56	(39,62)	(77)%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4,16	-	4,16	100%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	293,92	173,54	120,38	69%
4	Hàng tồn kho	202,63	97,42	105,21	108%
5	Tài sản ngắn hạn khác	10,05	12,00	(1,95)	(16)%
II	Tài sản dài hạn	462,24	497,57	(35,33)	(7%)
1	Các khoản phải thu dài hạn	1,03	0,94	0,1	11%
2	Tài sản cố định	365,10	389,98	(24,88)	(6%)
3	Bất động sản đầu tư	12,41	11,40	1,01	9%
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,59	3,26	(1,67)	(51)%
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0,05	0,05	-	0%
6	Tài sản dài hạn khác	82,05	91,95	(9,90)	(11)%
B	TỔNG NGUỒN VỐN	984,95	832,09	152,86	18%
III	Nợ phải trả	893,33	755,25	138,08	18%
1	Nợ ngắn hạn	892,76	748,50	144,26	19%
2	Nợ dài hạn	0,57	6,75	(6,18)	(92)%
IV	Nguồn vốn	91,62	76,84	14,78	19%
1	Vốn của Chủ sở hữu	91,62	76,84	14,78	19%
*	<i>Trong đó: Vốn góp chủ sở hữu</i>	<i>600,00</i>	<i>600,00</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
*	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
*	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>92,26</i>	<i>92,26</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
*	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>(613,89)</i>	<i>(628,67)</i>	<i>14,78</i>	<i>2%</i>

Kết luận:

Ban kiểm soát đồng ý với các ý kiến của Báo cáo kiểm toán độc lập số: 300326.009/BCTC.HCM ngày 30/03/2026 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban kiểm soát đưa ra ý kiến lưu ý sau:

- Kết quả SXKD kinh doanh năm 2025: Mặc dù trong năm 2025 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 945,70 tỷ đồng / 570,02 tỷ đồng năm 2024, tăng 375,68 tỷ đồng tương đương với 65,88%, nhưng tỷ lệ lợi nhuận gộp năm 2025 giảm còn 6% (năm 2024 là 7%); lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 14,78 tỷ đồng/10,67 tỷ đồng năm 2024 tăng 4,11 tỷ đồng, nhưng tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu năm 2025 giảm so với năm 2024 (năm 2025 là 1,6%/tổng doanh thu, năm 2024 là 1,7%/tổng doanh thu).



Công ty cần xem xét, kiểm soát chi phí thực hiện dự án và các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, phù hợp, tiết giảm chống lãng phí nhằm nâng cao lợi nhuận cho công ty.

III. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc:

- Trong năm 2025, Ban giám đốc đã bám sát và triển khai kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, các chỉ đạo của Tổng công ty PetroCons.
- Ban giám đốc kiểm tra giám sát thường xuyên các dự án, chỉ đạo sát sao và kịp thời giải quyết các vướng mắc đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.
- Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD. Công tác chào thầu, công tác quản lý và triển khai dự án đã có nhiều chuyển biến tích cực, bước đầu công ty đã có lãi tuy nhiên cần nâng cao hơn nữa công tác kiểm soát chi phí ở các dự án, một số công trình/dự án còn tiềm ẩn rủi ro lỗ khi chưa thanh quyết toán.

IV. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc trong việc thực thi các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban giám đốc triển khai kịp thời.
- Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 47 Nghị quyết và Quyết định để chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

V. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

- Trong năm 2025, Công ty có giao dịch liên quan với người quản lý doanh nghiệp là Ông Lê Đình Công - Phó Giám đốc công ty và Ông Lê Minh Phong - Trưởng phòng Tài chính Kế toán công ty (chi tiết tại thuyết minh 21 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty).

VI. Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban giám đốc:

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS được Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các Phòng chức năng, bộ phận của Công ty đã phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.
- Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát nắm bắt được tình hình hoạt động SXKD của Công ty và các đơn vị trực thuộc, đã đưa ra các ý kiến với HĐQT, Ban giám đốc và các đơn vị có liên quan về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả, an toàn SXKD.

VII. Đánh giá rủi ro tiềm ẩn:

Các chỉ số về khả năng thanh toán của công ty đều rất thấp, nợ phải trả ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn là 370,05 tỷ đồng và lớn gấp 9,7 lần Vốn chủ sở hữu, điều đó cho thấy Công ty đang gặp khó khăn về tài chính làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán các khoản nợ đúng hạn, về lâu dài công ty phải huy động tài sản dài hạn để trả nợ và sẽ đối mặt với các rủi ro về pháp lý.

Phải trả người bán ngắn hạn đến ngày 31/12/2025 là 594,15 tỷ đồng, trong đó có một số khoản nợ phải trả đã quá hạn dẫn đến tranh chấp pháp lý, kiện tụng ra tòa án, phong tỏa tài sản... làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đề nghị công ty rà soát và xây dựng kế hoạch nguồn thu/chi cho các dự án mới và đang triển khai. Đồng thời, tích cực đàm phán với các nhà thầu về kế hoạch trả nợ, đặc biệt là các nhà thầu tại các dự án bị thiếu hụt nguồn thanh toán như dự án công trình DKI-Bộ Quốc phòng và Gói thầu A2 Long Sơn.... đảm bảo hoạt động SXKD của công ty tiếp tục bình thường.

Tổng khoản nợ ngắn hạn phải thu đến ngày 31/12/2025 là 293,92 tỷ đồng, đã trích dự phòng (14,86) tỷ đồng, trong đó một số khoản rủi ro không thu hồi được như:

+ Khoản nợ 2,8 tỷ đồng bán một số căn hộ chung cư số 02 Nguyễn Hữu Cảnh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ cho người dân nhưng chưa thu hết tiền. Vi phạm của cá nhân Bà Nguyễn Thị Thu Thảo đã được Toà án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm. Ban kiểm soát kiến nghị Công ty thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan để thu hồi tiền về cho Công ty.

+ Khoản công nợ 3,66 tỷ đồng của Ban quản lý dự án 5B-Cảng xuất NMLD Dung Quất; 200 triệu đồng của Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy Dầu khí (PVC-ME); 353 triệu đồng của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Nghệ An; 617 triệu đồng của Công ty TNHH xây lắp Nhật Minh; 249 triệu đồng của Mepcom Offshore and Marine PTE LTD; 137 triệu đồng của Công ty TNHH Xây dựng Cường Hà; khoản nợ tạm ứng của một số cá nhân 663 triệu đồng; 1,13 tỷ đồng tiền phí vận hành, điện nước, gửi xe chung cư,...đề nghị công ty rà soát có biện pháp thu hồi công nợ.

Đối với dự án Topside Đại Hùng 3: Dự án đã hoàn thành bàn giao và quyết toán với Tổng thầu VSP. Giá trị quyết toán 134,01 tỷ - giá vốn 146,66 tỷ - lợi nhuận âm (12,65) tỷ đồng. Theo nghị quyết số 98/NQ-KCKL-HĐQT ngày 22/06/2023 của Hội đồng quản trị Công ty thì lợi nhuận định mức của dự án này là 3,1 tỷ đồng, như vậy hiệu quả của dự án không đạt được theo yêu cầu của HĐQT. Ban Kiểm soát kiến nghị Công ty đánh giá tổng kết thi công dự án qua đó rút kinh nghiệm cho các dự án sau.

Đối với dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2: do bị chậm tiến độ kéo dài làm tăng chi phí rất lớn, công tác nghiệm thu thanh quyết toán khó khăn, chậm trễ. Giá trị sản lượng dở dang đến ngày 31/12/2025 là 36,9 tỷ đồng còn tồn đọng chưa được nghiệm thu, chi phí SXKD dở dang 116,75 tỷ đồng, đã trích lập dự phòng hàng tồn kho. Đến nay việc

quyết toán chưa xong, nên chưa thể xác định hiệu quả cuối cùng của dự án, điều này sẽ tiềm ẩn rủi ro không lường trước được đối với Công ty.

Đối với khoản tiền thuê đất của khu bãi cảng dịch vụ Sao Mai Bến Đình (diện tích PVC-MS sử dụng là 229.330 m²) phải nộp cho NSNN thông qua CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (PVSĐ) theo Hợp đồng số 15/PVSĐ-PVC.MS/08-10/B ngày 09/08/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí:

Giai đoạn từ tháng 9/2010 đến tháng 2/2015: Theo Phụ lục số 02 ngày 10/02/2026 các bên thống nhất tiền thuê đất và phí quản lý cơ sở hạ tầng là 35,41 tỷ đồng (giá trị chưa bao gồm chi phí phạt chậm nộp NSNN). Ngày 25/04/2025, Công ty đã tạm thanh toán cho PVSĐ 10,99 tỷ đồng tiền thuê đất cho giai đoạn từ tháng 9/2010 đến ngày 12/02/2015 theo đề nghị của PVSĐ tại văn bản số 611/SMBĐ-KTKH và 612/SMBĐ-KTKH ngày 27/8/2024. Trong năm công ty đã hạch toán chi phí liên quan đến Bãi cảng Sao Mai Bến Đình là 45,14 tỷ đồng (bao gồm tiền thuê đất 32,19 tỷ đồng, phí quản lý CSHT 3,22 tỷ đồng, tiền phạt chậm nộp NSNN 9,73 tỷ đồng), trong đó hạch toán vào chi phí năm 2025 là 1,03 tỷ đồng và điều chỉnh hồi tố đầu kỳ tại Báo cáo tài chính năm 2025 là 44,11 tỷ đồng.

Giai đoạn từ sau tháng 02/2015 đến ngày 12/02/2018: Doanh nghiệp được miễn tiền thuê đất cho giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản theo Quyết định số 9994/QĐ-CT của Cục thuế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ban hành ngày 18/11/2019.

Giai đoạn từ 13/02/2018 đến 12/02/2029: Được miễn tiền thuê đất theo ngành nghề ưu đãi đầu tư xây dựng cảng biển, thời gian áp dụng 11 năm kể từ ngày 13/02/2018 đến 13/02/2029 (theo Thông báo số 1498/TB-TPHCM ngày 27/01/2026 Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh)

Vi vậy, Công ty cần thu xếp, cân đối nguồn tiền thanh toán khoản nợ trên tránh phát sinh các khoản phạt ảnh hưởng đến lợi nhuận của đơn vị.

Đối với dự án chế tạo Chân đế và Topside dự án DSF-II Ấn Độ: Giá trị hợp đồng 115.760.015,00 USD (tương đương 3.009.760.390.156VNĐ- tỷ giá 26.000VNĐ/1USD). Hợp đồng này có tiến độ thi công gấp và yêu cầu kỹ thuật an toàn cao. Hiện nay dự án đã chậm tiến độ khoảng 33 tuần. Việc thanh toán của chủ đầu tư cho PVC MS rất chậm chễ và không đủ đầy đủ số tiền trên hóa đơn, tính đến nay được 4 đợt thanh toán với tổng tiền **7.444.231,84 USD/ 8.368.905,38 USD (88,95%)**

Tổng thầu MDL đơn phương khấu trừ 10% thuế TDS dẫn đến Công ty thiếu hụt dòng tiền khi thực hiện đơn hàng. Ngoài ra Công ty BoilerMaster Việt Nam gửi thư cho Tổng thầu MDL về việc Tòa án Việt Nam phong tỏa tài khoản PVC MS để thu hồi nợ cho BMV, qua đó Tổng thầu MDL kéo dài thời gian thanh toán lần 3 và đưa ra các điều kiện khắt khe hơn đối với PVC MS.

Gần đây do ảnh hưởng biến động chính trị thế giới, làm cho giá xăng dầu tăng cao kéo theo các chi phí đầu vào như ca máy, nhân công, nguyên vật liệu... đều tăng làm bào

mòn lợi nhuận của dự án. Vì vậy Ban kiểm soát kiến nghị Ban lãnh đạo Công ty giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng và quản lý chi phí tối đa để đảm bảo dự án có hiệu quả kinh tế.

Quản lý tiền tạm ứng cá nhân:

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2025, số dư tạm ứng **38,019** tỷ đồng, trong đó một số khoản nợ tạm ứng lớn, thời gian nợ lâu vượt quá quy định theo quy chế Quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty, cụ thể như sau:

TT	Họ tên	Số tiền	Nội dung ứng
1	Hồ Văn Huệ	2.792.950.715	Chi phí nhân công DA Đại Hùng 3 theo Biên bản ngày 21/10/2024
2	Lê Đình Công	9.007.409.657	Chi phí nhân công DA Đại Hùng 3 theo Biên bản ngày 21/10/2024 và gói A2 Long Sơn
3	Hoàng Hiếu	540.783.362	Tạm ứng tiền chi phí công trình gói A2 Long Sơn T5/2021
4	Nguyễn Công Đỉnh	6.970.549.744	Tạm ứng chi phí nhân công thi công dự án Block B, Alpha, DFS II
5	Võ Hồng Sơn	10.288.503.855	Tạm ứng chi phí nhân công thi công các dự án
6	Lê Quang Vinh	6.093.500.151	Tạm ứng chi phí nhân công thi công các dự án
	Cộng	35.693.697.484	

Một số lưu ý

1. Ông Hồ Văn Huệ tạm ứng 2,79 tỷ đồng là khoản chi phí nhân công vượt bản khoán của dự án Đại Hùng 3, hiện tại công trình này đã hoàn thành, nghiệm thu thanh quyết toán với Chủ đầu tư. Đề nghị ông Hồ Văn Huệ cùng đơn vị phối hợp làm rõ và thu hồi tạm ứng cho công ty
2. Ông Lê Đình Công tạm ứng 9,0 tỷ gồm: 8,47 tỷ đồng chi phí nhân công vượt bản khoán của dự án Đại Hùng 3 và 541 triệu chi phí thi công gói A2 Long Sơn. Hiện tại 2 công trình này đã hoàn thành, nghiệm thu thanh quyết toán với Chủ đầu tư. Đề nghị ông Lê Đình Công cùng đơn vị phối hợp làm rõ và thu hồi tạm ứng cho công ty.
3. Ông Hoàng Hiếu tạm ứng 540 triệu đồng để thực hiện thi công gói A2 Long Sơn từ tháng 5/2021. Hiện tại công trình này đã hoàn thành, nghiệm thu thanh quyết toán với Chủ đầu tư. Đề nghị ông Hoàng Hiếu và đơn vị phối hợp làm rõ và thu hồi tạm ứng cho công ty.
4. Ông Nguyễn Công Đỉnh tạm ứng 6,97 tỷ đồng đây là khoản tạm ứng trả lương cho người lao động của các công trình Block B, gia công cho Alpha và Dự án

DFS II. Trong đó có 5,2 tỷ đồng tạm ứng lương công trình Block B, hiện nay công trình này đã hoàn thành bàn giao cho Tổng thầu PTSC và đang làm quyết toán. Đề nghị ông Nguyễn Công Đính làm quyết toán nội bộ với Công ty để thu hồi khoản tạm ứng này.

5. Ông Võ Hồng Sơn có dư nợ 10,28 tỷ đồng đây là khoản tạm ứng trả lương trả cho người lao động của các công trình Chân đế Lạc Đà Vàng, Block B. Hiện nay 2 công trình đã hoàn thành bàn giao cho Tổng thầu PTSC và đang làm quyết toán. Đề nghị ông Võ Hồng Sơn làm quyết toán nội bộ với Công ty để thu hồi khoản tạm ứng này.
6. Ông Lê Quang Vinh có nợ tạm ứng 6,1 tỷ đồng, trong đó có 4,1 tỷ đồng ứng trả lương công trình Block B. Hiện nay công trình đã hoàn thành bàn giao cho Tổng thầu PTSC và đang làm quyết toán. Đề nghị ông Lê Quang Vinh làm quyết toán nội bộ với Công ty để thu hồi khoản tạm ứng này.

Việc có số dư tạm ứng lớn, thời gian nợ lâu buộc Công ty phải trích lập dự phòng 4,28 tỷ đồng làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp dẫn tới giảm lợi nhuận, làm suy giảm các chỉ tiêu hiệu quả tài chính. Do vậy, Công ty cần tăng cường kiểm soát, theo dõi và xử lý các khoản nợ tạm ứng quá hạn. Xác định trách nhiệm cá nhân và các bộ phận liên quan trong việc để phát sinh các khoản tạm ứng kéo dài, chậm quyết toán.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Công ty:

- Tập trung công tác thanh quyết toán các dự án/ hạng mục đã hoàn thành thi công với chủ đầu tư để thu hồi vốn cũng như công tác quyết toán nội bộ để xác định hiệu quả kinh tế của dự án.
- Tăng cường công tác quản lý chi phí thi công và chi phí quản lý doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch đối phó với sự biến động chính trị thế giới làm tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp (ngày 03/04/2026 HĐQT đã ra chỉ thị số 51/CT-KCKL-HĐQT về việc: Tăng cường kiểm soát chi phí và chủ động thích ứng trong bối cảnh giá nhiên liệu tăng).
- Tập trung thu hồi các khoản nợ để có vốn phục vụ SXKD, trả nợ ngân hàng và trả các nhà thầu phụ.
- Thanh lý các tài sản, máy móc, thiết bị, vật tư, công cụ dụng cụ hư hỏng/ không cần dùng đến để giảm chi phí khấu hao và chi phí quản lý.
- Thường xuyên thực hiện công tác rà soát nhân sự nhằm đáp ứng phù hợp với mô hình tổ chức kinh doanh của đơn vị, tinh giảm các vị trí gián tiếp và tăng cường lao động trực tiếp có tay nghề cao.
- Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kinh tế Thương mại giám sát chặt chẽ chi phí từng dự án, đối chiếu thường xuyên giữa chi phí với sản lượng thực hiện. Đặc biệt chú trọng công tác cập nhật chi phí và theo dõi hiệu quả dự án thường xuyên, đưa ra cảnh báo so với dự toán được phê duyệt để không được mất cân đối.
- Hỗ trợ Xí nghiệp Dịch vụ Cảng tiếp thị tìm kiếm việc làm phát huy tiềm năng Bãi cảng PVC-MS.

- Hoàn thiện các quy định quản lý nội bộ phù hợp với yêu cầu quản lý mới, mục tiêu tiết giảm chi phí doanh nghiệp.

IX. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng công ty Petrocons:

- Hỗ trợ PVC-MS công tác nghiệm thu, thanh quyết toán Dự án NMNĐ Thái Bình 2.
- Hỗ trợ PVC-MS tìm kiếm nguồn việc từ các dự án của Tập đoàn PVN và các đối tác ngoài ngành
- Hỗ trợ PVC-MS tìm kiếm thêm các Ngân hàng/ hoặc các Tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD.
- Hỗ trợ PVC-MS tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản vốn góp 5 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh.
- Hỗ trợ PVC-MS thu hồi công nợ của từ các đơn vị thành viên của Tổng Công ty như PVC-ME, PVC Nghệ An, PVC-TH, Petrocons Đông Đô ...
- Chỉ đạo xử lý kịp thời những kiến nghị, đề xuất của PVC-MS trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2026.

PHẦN III: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Giám sát việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty. Thẩm định báo cáo quản lý, điều hành của HĐQT và Ban giám đốc.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và hội nghị chuyên đề của Công ty, đề xuất ý kiến về các nội dung thảo luận trong phiên họp.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty.
- Lập báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ theo quy định của Tổng công ty PetroCons.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS PetroCons;
- HĐQT, BGĐ PVC-MS;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thu Anh

PHỤ LỤC

Báo cáo chi trả tiền lương/ phụ cấp/ thù lao của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch 2026

I. QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BKS NĂM 2025:

Tổng chi phí tiền lương, thù lao của BKS năm 2025 là: **530.446.000** đồng, cụ thể:

Đvt: Đồng.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Kế hoạch năm 2025	Chi phí năm 2025
1.	Nguyễn Thị Thu Anh	Trưởng BKS kiêm nhiệm (bổ nhiệm ngày 16/06/2025)	36.000.000	68.500.000
2.	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 16/06/2025)	390.400.000	174.010.000
3.	Hoàng Văn Hải	TV BKS chuyên trách	255.050.000	268.436.000
4.	Vũ Thị Châm	TV BKS kiêm nhiệm (bổ nhiệm ngày 16/06/2025)		19.500.000
	Tổng		681.450.000	530.446.000

II. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BKS NĂM 2026

- Căn cứ số lượng thành viên BKS theo Điều lệ quy định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

- Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Thành viên BKS chuyên trách trả lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty;

- Trưởng BKS không chuyên trách hưởng phụ cấp 8.000.000 đồng/tháng

- Thành viên BKS không chuyên trách hưởng phụ cấp 3.000.000 đồng/tháng.

Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2026 là: **387.050.000** đồng.

Đvt: Đồng.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Kế hoạch 2026
1	Nguyễn Thị Thu Anh	Trưởng BKS kiêm nhiệm	96.000.000
2	Hoàng Văn Hải	TV BKS chuyên trách	255.050.000
3	Vũ Thị Châm	TV BKS kiêm nhiệm	36.000.000
	Tổng		387.050.000

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số: ...67.../TTTr-KCKL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi và bổ sung) được ĐHĐCĐ thông qua;

Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, PVC-MS đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của PVC-MS (Đính kèm bản BCTC năm 2025).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCKT.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 50
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500834094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Minh Công	Chủ tịch
Ông Lim Hau Guan	Thành viên
Ông Đinh Văn Hưng	Thành viên
Ông Trần Minh Ngọc	Thành viên
Ông Trần Vũ Phụng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Khắc Mẫn	Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc
Ông Lê Đình Công	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Anh	Trưởng ban	Từ ngày 24/06/2025
	Thành viên	Đến ngày 23/06/2025
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/06/2025
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên	
Bà Vũ Thị Châm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/06/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Phan Khắc Mẫn - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.



Phan Khắc Mẫn

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã không thể thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến một số hạng mục thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2025 với tổng giá trị lần lượt là 893,96 tỷ VND và 922,11 tỷ VND (trong đó giá trị doanh thu, giá vốn đã được Công ty ghi nhận trong năm nay lần lượt là 987 triệu VND và 987 triệu VND); chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hạng mục nêu trên tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025 với giá trị lần lượt là 146,47 tỷ VND và 146,25 tỷ VND, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính đính kèm.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2025, Nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 370.053.033.032 VND và lớn gấp 9,7 lần Vốn chủ sở hữu, khoản lỗ lũy kế là 613.894.856.502 VND, nợ phải trả quá hạn thanh toán là 490.278.878.592 VND... Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Phạm Văn Sang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3864-2025-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		522.708.905.168	334.518.859.782
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	11.940.593.205	51.555.579.663
111	1. Tiền		6.547.828.091	35.582.886.745
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.392.765.114	15.972.692.918
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	4.163.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.163.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		293.929.919.943	173.544.227.313
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	222.375.679.722	155.488.021.382
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	41.283.308.999	7.618.107.710
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	45.130.732.233	22.342.976.613
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.859.801.011)	(11.904.878.392)
140	IV. Hàng tồn kho	09	202.626.992.364	97.421.546.993
141	1. Hàng tồn kho		324.984.461.720	187.481.801.114
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(122.357.469.356)	(90.060.254.121)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.048.399.656	11.997.505.813
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	381.577.880	2.330.684.037
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	9.666.821.776	9.666.821.776
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		462.238.099.862	497.571.061.748
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.034.339.513	936.010.924
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	1.034.339.513	936.010.924
220	II. Tài sản cố định		365.101.027.256	389.977.267.722
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	361.813.591.129	386.078.602.199
222	- Nguyên giá		922.935.525.635	925.938.398.690
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(561.121.934.506)	(539.859.796.491)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.287.436.127	3.898.665.523
228	- Nguyên giá		15.224.969.704	20.203.187.604
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.937.533.577)	(16.304.522.081)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	12.411.784.954	11.398.514.829
231	- Nguyên giá		20.391.788.634	18.122.234.883
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.980.003.680)	(6.723.720.054)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.593.639.558	3.260.723.002
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.593.639.558	3.260.723.002
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	50.000.000	50.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.050.000.000	5.050.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		82.047.308.581	91.948.545.271
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	82.047.308.581	91.948.545.271
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		984.947.005.030	832.089.921.530

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		893.331.587.200	755.250.631.299
310	I. Nợ ngắn hạn		892.761.938.200	748.496.225.109
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	594.154.931.032	562.920.226.963
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	11.212.487.090	12.424.660.619
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	13.864.968.627	26.816.202.938
314	4. Phải trả người lao động		34.363.134.420	16.019.244.363
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	171.877.230.630	64.320.510.280
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	139.067.455	3.247.713.529
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	46.099.896.346	47.551.018.517
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	12.150.000.000	12.210.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	5.911.574.700	-
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.988.647.900	2.986.647.900
330	II. Nợ dài hạn		569.649.000	6.754.406.190
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	-	199.251.272
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	569.649.000	643.580.218
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	-	5.911.574.700
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		91.615.417.830	76.839.290.231
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	91.615.417.830	76.839.290.231
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	600.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		13.251.400.000	13.251.400.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(20.000)	(20.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		92.258.894.332	92.258.894.332
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(613.894.856.502)	(628.670.984.101)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(628.670.984.101)	(638.617.915.445)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		14.776.127.599	9.946.931.344
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		984.947.005.030	832.089.921.530



Hoàng Anh
Người lập



Lê Minh Phong
Trưởng phòng Tài chính Kế toán






Phan Khắc Mẫn
Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	945.698.577.733	570.016.285.007
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		945.698.577.733	570.016.285.007
11	4. Giá vốn hàng bán	26	890.510.651.116	528.147.565.635
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.187.926.617	41.868.719.372
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	1.051.140.477	447.548.541
22	7. Chi phí tài chính	28	2.622.364.640	2.889.860.886
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.429.863.972	1.199.435.611
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	35.275.606.830	31.729.733.973
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.341.095.624	7.696.673.054
31	11. Thu nhập khác	30	651.248.619	9.168.057.577
32	12. Chi phí khác	31	4.216.216.644	6.190.181.164
40	13. Lợi nhuận khác		(3.564.968.025)	2.977.876.413
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.776.127.599	10.674.549.467
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	-	727.618.123
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.776.127.599	9.946.931.344
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	246	166


Hoàng Anh
Người lập


Lê Minh Phong
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Phan Khắc Mẫn
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.776.127.599	10.674.549.467
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		25.880.736.339	25.575.504.370
03	- Các khoản dự phòng		35.252.137.854	(27.316.268.927)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.178.135.649	106.143.505
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(424.967.110)	(2.059.878.722)
06	- Chi phí lãi vay		1.429.863.972	1.199.435.611
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		78.092.034.303	8.179.485.304
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(123.365.546.319)	(84.259.564.891)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(137.502.660.606)	78.269.702.228
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		137.119.114.586	6.263.551.153
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.850.342.847	7.486.077.576
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.595.380.688)	(3.085.302.866)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.000.000	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.400.095.877)	12.853.948.504
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(350.682.554)	(8.244.211.661)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		15.909.091	1.703.131.442
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.163.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		345.066.423	432.993.691
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.152.707.040)	(6.108.086.528)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		15.660.000.000	34.429.054.866
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(15.720.000.000)	(29.819.054.866)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(60.000.000)	4.610.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(39.612.802.917)	11.355.861.976

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		51.555.579.663	40.194.043.110
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.183.541)	5.674.577
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>11.940.593.205</u>	<u>51.555.579.663</u>

Hoàng Anh
Người lập

Lê Minh Phong
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Phan Khắc Mẫn
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500834094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 600.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2025 là 600.000.000.000 VND; tương đương 60.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngày 27/05/2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là PXS, số lượng niêm yết lần đầu là 20 triệu cổ phiếu.

Ngày 24/06/2022, Công ty chính thức bị hủy niêm yết bắt buộc đối với 60 triệu cổ phiếu trên sàn HOSE.

Ngày 01/07/2022, Công ty được HNX chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, số lượng 60 triệu cổ phiếu, ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCOM là ngày 08/07/2022.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 616 người (tại ngày 01/01/2025 là 646 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp thiết bị, máy móc liên quan đến công trình dầu khí.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; Chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình; Lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp; Quản lý dự án; Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình; Thiết kế hệ thống điện, phân nhiệt và điện lạnh công trình công nghiệp hóa chất, chế biến khí; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện áp dưới 220KV; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng, cơ điện, cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp (cấp nhiệt, điều hòa nhiệt độ); Thiết kế đường ống công nghệ công trình dầu khí;
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Công trình điện và dịch vụ xây dựng công trình điện như: Công trình điện gió, Công trình nhiệt điện; Công trình thủy điện; Công trình điện mặt trời; Công trình điện khí biogas; Công trình điện khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm);
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Đào tạo nâng cao cán bộ công nhân kỹ thuật chuyên ngành;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền), xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển, xây dựng đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; Kinh doanh văn phòng nhà ở;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế cơ khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu, giàn khoan trên đất liền, ngoài biển;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải bằng xe ô tô, container;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị nâng hạ, vận chuyển, thi công;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ hàng hải: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng; Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng dịch vụ dầu khí; Cung cấp dịch vụ hạ thủy, nâng hạ; Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Hoạt động cửa trụ sở văn phòng. Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty thực hiện nhiều hạng mục lớn tại các ONGC WPAPP - DSF-II - Ấn Độ, Lô B - Ô Môn, Lạc Đà Vàng, làm doanh thu tăng 375.682.292.726 VND, tương đương tỷ lệ 65,91% so với năm trước. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 362.363.085.481 VND, tương đương tỷ lệ 68,61% so với năm trước. Tổng hợp các nguyên nhân nêu trên khiến cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 13.319.207.245 VND, tương đương tỷ lệ 31,81% so với năm trước.

Tại thời điểm 31/12/2025, Nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 370.053.033.032 VND và lớn gấp 9,7 lần Vốn chủ sở hữu, khoản lỗ lũy kế là 613.894.856.502 VND, nợ phải trả quá hạn thanh toán là 490.278.878.592 VND... Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Giám đốc đã đánh giá thận trọng từng vấn đề và nhận thấy:

- Các khoản nợ ngắn hạn nêu trên chủ yếu là nợ phải trả người bán ngắn hạn và khoản vay ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch;
- Công ty cũng đã xây dựng phương án tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn, lãi ước tính từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ sắp tới đảm bảo khắc phục tình trạng này.

Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Dịch vụ Cảng	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh)	Khảo sát, thiết kế, chế tạo và lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dự phòng phải trả
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Hợp đồng xây lắp

Hợp đồng xây dựng là hợp đồng bằng văn bản được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc các mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi các chi phí này đã phát sinh trong năm tài chính.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Các tài sản khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	32 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 năm
--------------------------	--------

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

2.17 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê hạ tầng Bãi cảng Sao mai Bến Đình được phân bổ trong năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 49 năm kể từ ngày 16/09/2010;
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 02 năm;
- Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.18 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.19 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.20 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.21 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công dự án, chi phí bản quyền... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.22 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập cho các công trình xây lắp đã hoàn thành và nghiệm thu tại ngày kết thúc năm tài chính theo cam kết với khách hàng nhưng không quá 5% giá trị hợp đồng đối với các công trình xây lắp này dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.23 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.24 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01/01/2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.25 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu từ hợp đồng xây lắp bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây lắp được trình bày tại Thuyết minh số 2.11.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.26 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Giá vốn Hợp đồng xây lắp

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành của các dự án xây lắp và tỷ suất lãi gộp ước tính theo nguyên tắc thận trọng và phù hợp với doanh thu. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi, cập nhật và điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp định kỳ.

Nếu tổng chi phí của hợp đồng xây lắp vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

2.27 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.29 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	53.925.844	126.752.478
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (1)	6.493.902.247	35.456.134.267
Các khoản tương đương tiền (2)	5.392.765.114	15.972.692.918
	<u>11.940.593.205</u>	<u>51.555.579.663</u>

(1) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có số dư 91.431.603 VND đang bị phong tỏa, không thể sử dụng được (số dư tương ứng tại thời điểm 01/01/2025 là 1.877.088.786 VND). (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)

(**) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu với tổng số tiền là 5.392.765.114 VND, với lãi suất từ 2,1%/năm đến 2,2%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.163.000.000	-	-	-
	4.163.000.000	-	-	-

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng, được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Vũng Tàu, với tổng số tiền là 4.163.000.000 VND, với lãi suất từ 5%/năm đến 6,12%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	-
	5.050.000.000	(5.000.000.000)	5.050.000.000	(5.000.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong năm:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Tỉnh Thanh Hóa	2,632%	2,632%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tỉnh Tiền Giang	0,003%	0,003%	Sản xuất sắt, thép, gang

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	107.900.753.988	(643.556.179)	120.274.075.352	(643.556.179)
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	30.436.743.320	-	33.403.795.858	-
Ban điều hành các dự án PVC phía Nam	1.500.975.998	-	1.500.975.998	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.156.144	(200.156.144)	200.156.144	(200.156.144)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	-	-	16.235.738.266	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	8.809.618.127	(194.186.345)	16.340.801.122	(194.186.345)
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	149.888.359	-	79.539.840	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	66.506.774.610	-	50.742.318.506	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình	36.485.740	-	245.104.920	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	-	-	282.387.283	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	10.898.000	-	100.657.080	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	-	-	893.386.645	-
MEPCOM Offshore and Marine Pte. Ltd	249.213.690	(249.213.690)	249.213.690	(249.213.690)
Bên khác	114.474.925.734	(6.077.755.492)	35.213.946.030	(6.134.918.583)
Mazagon Dock Shipbuilders Limited	84.313.234.834	-	-	-
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty Cổ phần	8.506.307.241	-	11.056.204.437	-
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông	3.658.243.771	(3.658.243.771)	3.658.243.771	(3.658.243.771)
Công ty TNHH Xử lý chất thải công nghiệp và Tư vấn môi trường Văi	-	-	8.481.600.000	-
Các đối tượng khác	17.997.139.888	(2.419.511.721)	12.017.897.822	(2.476.674.812)
	222.375.679.722	(6.721.311.671)	155.488.021.382	(6.778.474.762)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.072.238.743	(353.896.681)	1.072.238.743	(353.896.681)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	(353.896.681)	353.896.681	(353.896.681)
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	718.342.062	-	718.342.062	-
Bên khác	40.211.070.256	(24.000.000)	6.545.868.967	(24.000.000)
Lalit Pipes & Pipes Pvt. Ltd	26.126.692.685	-	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Đại Hãn	5.810.188.653	-	-	-
Hi-Tech Elastomers Ltd	5.230.360.800	-	-	-
Công ty Cổ phần Zenlube Việt Nam	-	-	3.427.883.818	-
Công ty TNHH MTV 756	-	-	1.187.892.821	-
Công ty TNHH A Sung Vina	-	-	922.597.781	-
Các đối tượng khác	3.043.828.118	(24.000.000)	1.007.494.547	(24.000.000)
	41.283.308.999	(377.896.681)	7.618.107.710	(377.896.681)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	70.122.278	-	6.130.682	-
Tạm ứng	26.751.247.143	(907.393.506)	4.181.762.452	(1.275.706.732)
Phải thu các đội thi công khối lượng vượt dự toán	11.267.996.453	(3.380.398.936)	11.267.996.453	-
Ký cược, ký quỹ	55.660.000	-	2.353.419.745	-
Các khoản chi hộ	1.971.278.186	-	-	-
Phải thu khác	5.014.428.173	(3.472.800.217)	4.533.667.281	(3.472.800.217)
	45.130.732.233	(7.760.592.659)	22.342.976.613	(4.748.506.949)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	1.971.278.186	-	1.527.366.834	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.971.278.186	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	1.527.366.834	-
Bên khác	43.159.454.047	(7.760.592.659)	20.815.609.779	(4.748.506.949)
Tổ đội thi công	11.267.996.453	(3.380.398.936)	11.267.996.453	-
Bà Nguyễn Thu Thảo	2.809.796.465	(2.809.796.465)	2.809.796.465	(2.809.796.465)
Các đối tượng khác	29.081.661.129	(1.570.397.258)	6.737.816.861	(1.938.710.484)
	45.130.732.233	(7.760.592.659)	22.342.976.613	(4.748.506.949)
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	1.034.339.513	-	936.010.924	-
	1.034.339.513	-	936.010.924	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác	1.034.339.513	-	936.010.924	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Vũng Tàu	788.209.960	-	931.010.924	-
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Vũng Tàu	226.129.553	-	-	-
Các đối tượng khác	20.000.000	-	5.000.000	-
	1.034.339.513	-	936.010.924	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng	6.763.466.671	42.155.000	6.862.549.362	84.074.600
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông	3.658.243.771	-	3.658.243.771	-
Phí vận hành chung cư	766.677.002	-	766.677.002	-
Các khoản khác	2.338.545.898	42.155.000	2.437.628.589	84.074.600
Trả trước cho người bán	377.896.681	-	377.896.681	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	-	353.896.681	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Vận tải Container T-H	24.000.000	-	24.000.000	-
Phải thu khác	15.850.510.187	8.089.917.528	5.099.312.477	350.805.528
Tổ đội thi công Bà Nguyễn Thu Thảo	11.267.996.453	7.887.597.517	-	-
Các khoản khác	2.809.796.465	-	2.809.796.465	-
	1.772.717.269	202.320.011	2.289.516.012	350.805.528
	22.991.873.539	8.132.072.528	12.339.758.520	434.880.128

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	493.173.411	-	585.085.345	-
Công cụ, dụng cụ	3.006.596.777	-	3.154.059.945	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	321.484.691.532	(122.357.469.356)	183.742.655.824	(90.060.254.121)
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	116.750.553.586	(87.519.789.723)	116.525.666.831	(68.949.360.928)
Dự án ONGC WPAPP, DSF-II	68.619.235.796	-	-	-
Dự án Lô B - Ô Môn	49.919.832.621	(12.872.493.851)	326.646.475	-
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	29.722.014.675	(8.912.177.007)	29.722.014.675	(8.912.177.007)
Các dự án khác	56.473.054.854	(13.053.008.775)	37.168.327.843	(12.198.716.186)
	324.984.461.720	(122.357.469.356)	187.481.801.114	(90.060.254.121)

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	677.116.573.122	203.619.568.327	34.252.603.256	10.949.653.985	925.938.398.690
- Mua trong năm	-	241.640.000	33.333.333	81.093.000	356.066.333
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.661.699.665	-	-	-	1.661.699.665
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.269.553.751)	-	-	-	(2.269.553.751)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(2.751.085.302)	(2.751.085.302)
Số dư cuối năm	676.508.719.036	203.861.208.327	34.285.936.589	8.279.661.683	922.935.525.635
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	306.022.692.858	188.796.944.355	34.252.603.256	10.787.556.022	539.859.796.491
- Khấu hao trong năm	17.420.347.346	7.409.368.796	4.679.233	37.345.678	24.871.741.053
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(858.517.736)	-	-	-	(858.517.736)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(2.751.085.302)	(2.751.085.302)
Số dư cuối năm	322.584.522.468	196.206.313.151	34.257.282.489	8.073.816.398	561.121.934.506
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	371.093.880.264	14.822.623.972	-	162.097.963	386.078.602.199
Tại ngày cuối năm	353.924.196.568	7.654.895.176	28.654.100	205.845.285	361.813.591.129

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.045.770.458 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 204.443.278.231 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	5.423.833.442	14.779.354.162	20.203.187.604
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.978.217.900)	(4.978.217.900)
Số dư cuối năm	5.423.833.442	9.801.136.262	15.224.969.704
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	2.411.211.376	13.893.310.705	16.304.522.081
- Khấu hao trong năm	110.942.046	500.287.350	611.229.396
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.978.217.900)	(4.978.217.900)
Số dư cuối năm	2.522.153.422	9.415.380.155	11.937.533.577
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	3.012.622.066	886.043.457	3.898.665.523
Tại ngày cuối năm	2.901.680.020	385.756.107	3.287.436.127

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.411.216.262 VND.

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/07/2008.

Khu đất này được đầu tư xây dựng dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng và đã được bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2011.

Vào ngày 24/08/2017, thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi để cấp mới cho tài sản trên đất là các căn hộ chung cư và khối văn phòng.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 920280 và Giấy chứng nhận theo hồ sơ số 000038.TS, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng tại thửa đất số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường Rạch Dừa, thành phố Hồ Chí Minh).

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà văn phòng VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	18.122.234.883	18.122.234.883
- Phân loại lại do chuyển mục đích sử dụng	2.269.553.751	2.269.553.751
Số dư cuối năm	20.391.788.634	20.391.788.634
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.723.720.054	6.723.720.054
- Khấu hao trong năm	397.765.890	397.765.890
- Phân loại lại do chuyển mục đích sử dụng	858.517.736	858.517.736
Số dư cuối năm	7.980.003.680	7.980.003.680
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	11.398.514.829	11.398.514.829
Tại ngày cuối năm	12.411.784.954	12.411.784.954
- Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 6.009.584.164 VND (năm 2024 là 3.672.045.106 VND).		
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh 24.		
- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.		

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự án Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại Giai đoạn II - Phân kỳ 3 (*)	1.593.639.558	1.593.639.558
Lắp đặt, cải tạo nhà container FVS 2 tầng	-	1.667.083.444
	1.593.639.558	3.260.723.002

(*) Dự án đầu tư theo Quyết định số 228/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 31/10/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí với nội dung cụ thể sau:

- Tên dự án: Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí Giai đoạn II - Phân kỳ 3;
- Địa điểm xây dựng: Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh);
- Mục đích xây dựng: Hỗ trợ cho các dự án đóng mới giàn khoan tự nâng 60m nước của PV Shipyard - một dự án trọng điểm quốc gia; Chế tạo các kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;
- Quy mô của dự án: Nâng công suất bãi cảng đạt 10.000 tấn kết cấu kim loại và 1.000 tấn thiết bị cơ khí/năm, trong đó:
 - + Mở rộng bến hạ thủy từ 142m đến 246m;
 - + Nạo vét khu vực trước bến đảm bảo độ sâu cho tàu 5.000 DWT tấn ra vào cảng;

- + Phát triển đồng bộ các hạng mục phụ trợ như cấp điện, chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy và thoát nước;
- + Báo hiệu khu nước: nhằm đảm bảo an toàn giao thông và hướng dẫn phương tiện thủy;
- + Công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác chế tạo và lắp dựng các kết cấu phụ trợ của giàn khoan tự nâng 60m nước, các kết cấu chân đế và kết cấu kim loại khác;
- Tổng mức đầu tư cho giai đoạn II - Phân kỳ 3: 262.395.106.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: đã tạm dừng triển khai;
- Tại thời điểm 31/12/2025, dự án đã ngừng hoạt động do không đủ kinh phí thực hiện. Chi phí 1.593.639.558 VND là chi phí thiết kế, Công ty sẽ tiếp tục khôi phục và hoàn thiện năng lực của Bãi cảng khi có đủ kinh phí.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	240.893.771	1.374.573.783
Chi phí sửa chữa	140.684.109	70.387.807
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	885.722.447
	381.577.880	2.330.684.037
b) Dài hạn		
Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình (*)	74.883.736.758	77.108.006.166
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.771.816.723	8.017.156.288
Chi phí tháo dỡ, di dời và giải phóng mặt bằng bãi cảng	1.027.242.292	1.623.825.066
Chi phí sửa chữa lớn	1.607.869.811	3.440.586.946
Chi phí trả trước dài hạn khác	756.642.997	1.758.970.805
	82.047.308.581	91.948.545.271

(*) Theo Hợp đồng số 15/PVSB-PVC.MS/08-10B ngày 09/08/2010 về việc cho thuê cơ sở hạ tầng với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (PVSB) và Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành ngày 29/03/2011:

- Tên cơ sở cho thuê hạ tầng: Bãi cảng Sao Mai Bến Đình;
- Tổng mức đầu tư:
 - + Tổng chi phí đầu tư chưa bao gồm thuế GTGT: 97.396.039.249 VND
 - + Giá thuê mặt bằng bãi chưa bao gồm thuế GTGT: 107.135.643.174 VND
(được xác định bằng 1,1 lần Tổng chi phí đầu tư)
 - + Giá thuê mặt bằng bãi đã bao gồm thuế GTGT: 117.849.207.491 VND

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Chi tiết theo đối tượng		
Bên liên quan	78.895.591.255	55.839.134.180
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)	36.295.607.014	-
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	17.119.205	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc	-	278.440.483
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	239.818.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	397.877.829	397.877.829
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	17.285.313.079	16.719.706.279
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	135.220.650	135.220.650
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	574.092.092	574.092.092
Trường Cao đẳng Dầu khí	1.797.387.152	369.499.312
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	109.000.000	109.000.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PV Engineering)	991.055.319	991.055.319
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	4.756.639.584	4.756.639.584
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	1.623.094.684	1.623.094.684
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.350.061.290	2.210.421.940
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	44.000.000	44.000.000
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	96.000.000	91.636.560
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	18.415.068	9.513.192
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	3.007.520.784	15.643.858.410
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí PVD	14.253.325	14.253.325
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	900.073.363	900.073.363
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	8.977.693.982	10.677.693.982
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	247.136.735	293.057.176
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	18.212.100	-
Bên khác	515.259.339.777	507.081.092.783
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	99.180.983.857	95.708.461.469
S-Tank Engineering Co., Ltd	69.232.782.902	68.276.803.542
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	60.478.955.914	60.978.955.914
Các đối tượng khác	286.366.617.104	282.116.871.858
	594.154.931.032	562.920.226.963
b) Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán	490.278.878.592	412.071.825.238

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có đủ cơ sở để đánh giá số có khả năng trả nợ do Công ty đang trong quá trình tìm kiếm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ nêu trên.

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	4.777.826.453	12.414.660.619
Ban điều hành các dự án PVC phía Nam	4.777.826.453	4.777.826.453
Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	-	7.636.834.166
Bên khác	6.434.660.637	10.000.000
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần	6.394.660.637	-
Các đối tượng khác	40.000.000	10.000.000
	<u>11.212.487.090</u>	<u>12.424.660.619</u>

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	25.995.387.461	9.469.605.830	21.900.623.288	-	13.564.370.003
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.801.935	1.801.935	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.666.821.776	-	-	-	9.666.821.776	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	816.582.502	5.665.233.489	6.181.217.367	-	300.598.624
Các loại thuế khác	-	4.232.975	278.841.924	283.074.899	-	-
	<u>9.666.821.776</u>	<u>26.816.202.938</u>	<u>15.415.483.178</u>	<u>28.366.717.489</u>	<u>9.666.821.776</u>	<u>13.864.968.627</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
Chi phí thi công các dự án	170.751.451.462	63.194.731.112
- Dự án ONGC WPAPP, DSF-II	108.571.725.748	-
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	18.358.852.686	18.610.815.512
- Dự án Lô B Ô Môn	20.107.084.591	12.983.631.113
- Dự án P15	1.814.167.648	15.191.918.356
- Dự án thi công hệ thống xử lý nước thải	-	8.940.442.206
- Các dự án khác	21.899.620.789	7.467.923.925
Chi phí bản quyền nhãn hiệu PVN	1.125.779.168	1.125.779.168
	<u>171.877.230.630</u>	<u>64.320.510.280</u>
b) Trong đó: Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)	265.381.671	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	523.710.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.647.326.928	1.647.326.928
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	5.782.550.557	5.782.550.557
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	1.125.779.168	1.125.779.168
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	535.868.418	714.867.183
Chi nhánh Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam	1.160.483.155	1.160.483.155
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	36.822.000	-
	<u>10.554.211.897</u>	<u>10.954.716.991</u>
19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN		
	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước từ cho thuê nhà, văn phòng	139.067.455	3.247.713.529
	<u>139.067.455</u>	<u>3.247.713.529</u>
b) Dài hạn		
Tiền lãi từ việc bán TSCĐ và thuê mua tài chính từ năm 2017	-	199.251.272.
	<u>-</u>	<u>199.251.272</u>
c) Trong đó: Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	-	780.032.000
	<u>-</u>	<u>780.032.000</u>

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
Kinh phí công đoàn	3.060.519.011	3.997.941.611
Bảo hiểm xã hội	2.784.650.628	3.241.911.081
Bảo hiểm y tế	225.098.149	400.109.578
Bảo hiểm thất nghiệp	379.437.856	339.434.321
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	301.438.000	163.000.000
Tiền thuê đất	33.044.495.174	32.013.066.565
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	36.203.277	36.203.277
Phải trả lãi vay	68.315.066	233.831.782
Các quỹ ủng hộ	2.510.765.999	2.541.765.999
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.688.973.186	4.583.754.303
	<u>46.099.896.346</u>	<u>47.551.018.517</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Bên liên quan	33.044.495.174	32.013.066.565
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	33.044.495.174	32.013.066.565
Bên khác	13.055.401.172	15.537.951.952
Công đoàn Công ty	3.060.519.011	3.997.941.611
Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh	3.389.186.633	3.981.454.980
Các quỹ ủng hộ	2.510.765.999	2.541.765.999
Các đối tượng khác	4.094.929.529	5.016.789.362
	<u>46.099.896.346</u>	<u>47.551.018.517</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	569.649.000	643.580.218
	<u>569.649.000</u>	<u>643.580.218</u>

21- . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn - Bên liên quan	1.400.000.000	1.400.000.000	800.000.000	1.600.000.000	600.000.000	600.000.000
Ông Lê Đình Công	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	-	-
Ông Lê Minh Phong	1.000.000.000	1.000.000.000	800.000.000	1.200.000.000	600.000.000	600.000.000
Vay ngắn hạn - Bên khác	8.310.000.000	8.310.000.000	16.860.000.000	16.620.000.000	8.550.000.000	8.550.000.000
Bà Phùng Thị Bình	1.800.000.000	1.800.000.000	3.700.000.000	2.300.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000
Ông Võ Thanh Toàn	2.750.000.000	2.750.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	2.750.000.000	2.750.000.000
Ông Nguyễn Hữu Đức	-	-	2.000.000.000	1.500.000.000	500.000.000	500.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Hoàng Hữu Cường	760.000.000	760.000.000	460.000.000	1.220.000.000	-	-
Bà Đỗ Kiều Trang	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Kim Vân	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Siêm	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
Bà Đỗ Thị Thắm	-	-	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000
Bà Đàm Thị Hương	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Bà Đoàn Thị Hà	-	-	200.000.000	200.000.000	-	-
Bà Trần Tuyết Trinh	-	-	700.000.000	700.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả - Bên liên quan	-	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
Ông Lê Đình Công	-	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả - Bên khác	2.500.000.000	2.500.000.000	2.800.000.000	2.700.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Ông Nguyễn Hữu Đức	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Bà Phùng Thị Bình	-	-	1.800.000.000	200.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Vân	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	12.210.000.000	12.210.000.000	20.860.000.000	20.920.000.000	12.150.000.000	12.150.000.000

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn - Bên liên quan	-	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
Ông Lê Đình Công	-	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
Vay dài hạn - Bên khác	2.500.000.000	2.500.000.000	2.800.000.000	2.700.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Ông Nguyễn Hữu Đức	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Bà Phùng Thị Bình	-	-	1.800.000.000	200.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Vân	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>	<u>3.200.000.000</u>	<u>2.700.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)	(3.200.000.000)	(2.700.000.000)	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			-	-



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc cuối năm
					VND
Bên liên quan					600.000.000
Ông Lê Minh Phong					
- Hợp đồng cho vay vốn số 05/2025-HDVV/PVCMS-LMP ngày 07/03/2025	12,0%	12 tháng kể từ ngày 07/03/2025 đến ngày 07/03/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	300.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 18/2025-HDVV/PVCMS-LMP ngày 29/05/2025	12,0%	6 tháng kể từ ngày 29/05/2025 đến ngày 29/11/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	200.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 19/2025-HDVV/PVCMS-LMP ngày 10/06/2025	12,0%	6 tháng kể từ ngày 10/06/2025 đến ngày 10/12/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	100.000.000
Bên khác					8.550.000.000
Bà Phùng Thị Bình					
- Hợp đồng cho vay vốn số 06/2025-HDVV/PVCMS-PTB ngày 07/3/2025	12,0%	12 tháng kể từ ngày 07/03/2025 đến ngày 07/03/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	1.000.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 16/2025-HDVV/PVCMS-PTB ngày 26/5/2025	12,0%	6 tháng kể từ ngày 26/05/2025 đến ngày 26/11/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	600.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 27/2025-HDVV/PVCMS-PTB ngày 05/12/2025	12,0%	3 tháng kể từ ngày 05/12/2025 đến 05/03/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	1.600.000.000
Ông Võ Thanh Toàn					
- Hợp đồng cho vay vốn số 09/2024-HDVV/PVCMS-VTT ngày 01/11/2024 và Phụ lục hợp đồng cho vay vốn số 09/2024-HDVV/PVCMS-VTT-PL01 ngày 01/02/2025	12,0%	12 tháng kể từ ngày 01/11/2024 đến ngày 01/11/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	450.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 10/2025-HDVV/PVCMS-VTT ngày 02/4/2025	12,0%	6 tháng kể từ ngày 02/04/2025 đến ngày 02/10/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	1.000.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 15/2025-HDVV/PVCMS-VTT ngày 26/05/2025	12,0%	6 tháng kể từ ngày 26/05/2025 đến ngày 26/11/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	200.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (Tiếp theo):

Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc cuối năm VND
- Hợp đồng cho vay vốn số 20/2025-HĐVV/PVCMS-VTT ngày 11/06/2025	12,0%	6 tháng kể từ ngày 12/06/2025 đến ngày 12/12/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	800.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 24/2025-HĐVV/PVCMS-VTT ngày 20/08/2025	12,0%	12 tháng kể từ ngày 20/08/2025 đến ngày 20/08/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	300.000.000
Ông Nguyễn Hữu Đức					
- Hợp đồng cho vay vốn số 03/2019-HĐVV/PVCMS-NHĐ ngày 26/03/2019 và Phụ lục hợp đồng cho vay vốn số 03/2019-HĐVV/PVCMS-NHĐ-PL4 ngày 26/03/2025	11,0%	12 tháng kể từ ngày 26/03/2025 đến ngày 26/03/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	500.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa					
- Hợp đồng cho vay vốn số 12/2025-HĐVV/PVCMS-NTKT ngày 08/05/2025	12,0%	12 tháng từ ngày 08/05/2025 đến ngày 09/05/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	2.000.000.000
Bà Đỗ Thị Thắm					
- Hợp đồng cho vay vốn số 21/2025-HĐVV/PVCMS-ĐTT ngày 13/06/2025	12,0%	6 tháng kể từ ngày 13/06/2025 đến ngày 13/12/2025	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	100.000.000
					9.150.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc cuối năm
					VND
Bên liên quan					400.000.000
Ông Lê Đình Công					
- Hợp đồng cho vay vốn số 02/2024-HĐVV/PVCMS-LĐC ngày 31/05/2024 và Phụ lục hợp đồng cho vay vốn số 02/2024-HĐVV/PVCMS-LĐC ngày 30/03/2025	11,0%	24 tháng kể từ ngày 30/03/2024 đến 30/03/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	400.000.000
Bên khác					2.600.000.000
Bà Phùng Thị Bình					
- Hợp đồng cho vay vốn số 06/2023-HĐVV/PVCMS-PTB ngày 01/12/2023 và Phụ lục hợp đồng cho vay vốn số 6/2023-HĐVV/PVCMS-PTB-PL02 ngày 01/01/2025	12,0%	36 tháng kể từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/12/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	600.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 08/2024-HĐVV/PVCMS-PTB ngày 31/10/2024 và Phụ lục hợp đồng cho vay vốn số 08/2024-HĐVV/PVCMS-PTB-PL01 ngày 31/01/2025	12,0%	24 tháng kể từ ngày 31/10/2024 đến ngày 31/10/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Vân					
- Hợp đồng cho vay vốn số 10/2024-HĐVV/PVCMS-NTKV ngày 01/11/2024 và Phụ lục hợp đồng cho vay vốn số 10/2024-HĐVV/PVCMS-NTKV-PL01 ngày 01/02/2025	12,0%	24 tháng kể từ ngày 01/11/2024 đến ngày 01/11/2026	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có	1.000.000.000
					3.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(3.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					-

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Tại ngày 31/12/2025, khoản dự phòng phải trả là khoản dự phòng bảo hành công trình xây lắp cho dự án Gallaf 3. Theo điều khoản bảo hành đã ký kết, Công ty cam kết bảo hành cho dự án này đến tháng 06/2026.

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(586.913.623.109)	118.596.651.223
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	9.946.931.344	9.946.931.344
Các khoản phạt, truy thu thuế năm 2020, 2021	-	-	-	-	(1.930.110.331)	(1.930.110.331)
Số dư cuối năm trước	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(578.896.802.096)	126.613.472.236
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(628.670.984.101)	76.839.290.231
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	14.776.127.599	14.776.127.599
Số dư cuối năm nay	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(613.894.856.502)	91.615.417.830

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	50,97	305.845.330.000	50,97	305.845.330.000
MEPCOM Offshore and Marine Pte. Ltd	10,00	60.000.000.000	10,00	60.000.000.000
Các cổ đông khác	39,03	234.154.650.000	39,03	234.154.650.000
Cổ phiếu quỹ	0,00	20.000	0,00	20.000
	100	600.000.000.000	100	600.000.000.000

c) Cổ phần		<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành		60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng			
- Cổ phần phổ thông		60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phần được mua lại			
- Cổ phần phổ thông		2	2
Số lượng cổ phần đang lưu hành			
- Cổ phần phổ thông		59.999.998	59.999.998
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần			
d) Các quỹ công ty		<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
		VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển		92.258.894.332	92.258.894.332
		<u>92.258.894.332</u>	<u>92.258.894.332</u>
24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG			
a) Tài sản cho thuê ngoài			
Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:			
		<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
		VND	VND
Từ 1 năm trở xuống		3.515.839.635	1.801.593.321
Trên 1 năm đến 5 năm		4.882.150.819	2.433.886.844
Trên 5 năm		785.454.545	2.759.618.182
b) Ngoại tệ các loại		<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Đồng Đô la Mỹ (USD)		4.941,60	4.858,66
c) Nợ khó đòi đã xử lý		<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
		VND	VND
Vương Minh Thùy		74.765.000	74.765.000
Nguyễn Hữu Thân		49.700.000	49.700.000
Hoàng Quang Kiên		45.000.000	45.000.000
Các đối tượng khác		155.145.523	155.145.523
		<u>324.610.523</u>	<u>324.610.523</u>
25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
		VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp		897.463.890.559	533.352.208.677
Doanh thu cung cấp dịch vụ		48.234.687.174	36.664.076.330
		<u>945.698.577.733</u>	<u>570.016.285.007</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan		<u>670.373.705.584</u>	<u>509.237.997.218</u>
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)			

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	823.358.724.000	527.612.658.957
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34.854.711.881	27.106.960.937
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	32.297.215.235	(26.572.054.259)
	890.510.651.116	528.147.565.635
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)</i>	58.813.781.531	23.591.818.842

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	409.058.019	429.149.857
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	642.082.458	18.398.684
	1.051.140.477	447.548.541

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.429.863.972	1.199.435.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.365.019	1.584.281.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.178.135.649	106.143.505
	2.622.364.640	2.889.860.886
Trong đó: Chi trả cho các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)</i>	98.093.152	53.205.480

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	725.309.270	549.290.511
Chi phí nhân công	19.919.308.596	18.287.603.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.256.396.564	2.174.870.556
Chi phí dự phòng	2.954.922.619	1.226.310.232
Thuế, phí, và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.277.807.553	4.000.273.176
Chi phí khác bằng tiền	5.137.862.228	5.487.386.247
	35.275.606.830	31.729.733.973
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)</i>	128.863.149	683.735.262

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	15.909.091	1.630.728.865
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	1.970.524.900
Thu nhập công nợ không phải trả	408.939.734	4.041.004.122
Thu nhập khác	226.399.794	1.525.799.690
	651.248.619	9.168.057.577

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	1.088.344.513	1.496.222.409
Các khoản bồi thường, án phí	2.281.211.495	3.338.329.654
Chi phí khác	846.660.636	1.355.629.101
	4.216.216.644	6.190.181.164
Trong đó: Chi cho các bên liên quan	1.141.385.617	1.200.000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)</i>		

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	14.776.127.599	10.674.549.467
Các khoản điều chỉnh tăng	36.005.047.270	6.756.145.302
- Chi phí không hợp lệ	747.234.839	5.526.225.396
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước	5.674.577	3.609.674
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.954.922.619	1.226.310.232
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	32.297.215.235	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(50.781.174.869)	(30.554.444.912)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm nay	(3.102.835)	(5.674.577)
- Thu nhập đã tính thuế theo BBKT thuế niên độ 2020, 2021	-	(4.041.004.122)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(26.411.421.597)
- Lãi từ doanh thu chưa thực hiện từ thuê mua tài chính (đã tính thuế năm 2017)	(199.251.272)	(96.344.616)
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (1)	(3.680.823.475)	-
- Chuyển lỗ các năm trước (2)	(46.897.997.287)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(13.123.750.143)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	727.618.123
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(9.666.821.776)	(10.394.439.899)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(9.666.821.776)	(9.666.821.776)

(1) Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA không được trừ các năm	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng	Chi phí lãi vay không được trừ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
		VND	VND	VND
Năm 2022	Chưa thanh tra	3.498.379.746	3.498.379.746	-
Năm 2023	Chưa thanh tra	182.443.729	182.443.729	-

Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty được kết chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ này sang các năm tiếp theo là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

(2) Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của Cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính.

Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Lỗ tính thuế	Lỗ tính thuế đã sử dụng	Lỗ tính thuế còn được chuyển sang các năm sau
		VND	VND	VND
Năm 2021	Đã thanh tra	83.073.591.032	46.897.997.287	36.175.593.745
Năm 2022	Chưa thanh tra	52.556.844.969	-	52.556.844.969
Năm 2023	Chưa thanh tra	181.308.630.842	-	181.308.630.842
Năm 2024	Chưa thanh tra	13.123.750.143	-	13.123.750.143

Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế này là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.776.127.599	9.946.931.344
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.776.127.599	9.946.931.344
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	59.999.998	59.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	246	166

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	281.369.127.852	76.107.838.965
Chi phí nhân công	205.691.976.807	120.280.596.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.880.736.339	25.575.504.370
Chi phí dự phòng	2.954.922.619	1.226.310.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	501.530.029.002	274.115.427.747
Chi phí khác bằng tiền	13.804.285.800	11.053.863.366
	1.031.231.078.419	508.359.541.291

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.886.667.361	-	-	11.886.667.361
Phải thu khách hàng, phải thu khác	253.024.507.625	1.034.339.513	-	254.058.847.138
Các khoản cho vay	4.163.000.000	-	-	4.163.000.000
	269.074.174.986	1.034.339.513	-	270.108.514.499

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.428.827.185	-	-	51.428.827.185
Phải thu khách hàng, phải thu khác	166.304.016.284	936.010.924	-	167.240.027.208
	<u>217.732.843.469</u>	<u>936.010.924</u>	<u>-</u>	<u>218.668.854.393</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	12.150.000.000	-	-	12.150.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	640.254.827.378	569.649.000	-	640.824.476.378
Chi phí phải trả	171.877.230.630	-	-	171.877.230.630
	<u>824.282.058.008</u>	<u>569.649.000</u>	<u>-</u>	<u>824.851.707.008</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	12.210.000.000	-	-	12.210.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	610.471.245.480	643.580.218	-	611.114.825.698
Chi phí phải trả	64.320.510.280	-	-	64.320.510.280
	<u>687.001.755.760</u>	<u>643.580.218</u>	<u>-</u>	<u>687.645.335.978</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Vũng Tàu	-	1.877.088.786
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (*)	91.431.603	-
	<u>91.431.603</u>	<u>1.877.088.786</u>

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội đang bị phong tỏa theo Quyết định của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu.

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
b) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	15.660.000.000	34.429.054.866
c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	15.720.000.000	29.819.054.866

37 . THÔNG TIN KHÁC

Thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Công ty ký Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09/08/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình ("Công ty Sao Mai - Bến Đình") để thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích thuê là 229.330 m², thời hạn thuê 49 năm. Theo điều khoản hợp đồng, giá thuê bao gồm chi phí đầu tư và các nghĩa vụ với Nhà nước liên quan đến diện tích thuê.

Theo Phụ lục số 02 ngày 10/02/2026 và văn bản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công ty phải chịu tiền thuê đất với tổng số tiền là 32.194.110.231 VND, trong đó:

- Giai đoạn từ ngày 16/09/2010 đến ngày 12/02/2015: 32.194.110.231 VND;
- Giai đoạn từ ngày 12/02/2015 đến ngày 31/12/2025: được miễn tiền thuê đất.

Ngoài ra, Công ty còn phải chịu tiền chậm nộp tạm tính đến thời điểm 31/12/2025 là 9.726.244.741 VND, trong đó tiền chậm nộp lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là 8.694.816.132 VND.

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh hồi tố ghi nhận giảm khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng khoản mục Phải trả người bán, Phải trả khác tại thời điểm 31/12/2024 với số tiền 44.108.337.386 VND, ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm nay số tiền 1.031.428.609 VND.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)	Công ty mẹ
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Đơn vị trực thuộc của PetroCons
Ban điều hành các dự án PVC phía Nam	Đơn vị trực thuộc của PetroCons
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc	Đơn vị trực thuộc của PetroCons
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Cùng Công ty mẹ (PetroCons)
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	Cùng Công ty mẹ (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng Công ty mẹ (PetroCons)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ của Công ty mẹ

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau (Tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Trường Cao đẳng Dầu khí	Đơn vị trực thuộc của PVN
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trực thuộc của PVN
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Đơn vị trực thuộc của PVN
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Oil)	Công ty con của PVN
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcom Bank)	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro)	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVMR)	Công ty liên doanh của PVN
Công ty Cổ phần PVI (PVI Holdings)	Công ty liên kết của PVN
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PV Engineering)	Công ty liên kết của PVN
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Thành viên trong Tập đoàn PV Gas
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Thành viên trong Tập đoàn PV Gas
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thành viên trong Tập đoàn PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Thành viên trong Tập đoàn PV Oil
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	Thành viên trong Tập đoàn PV Oil
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Thành viên trong Tập đoàn PVcom Bank
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Thành viên trong Tập đoàn PTSC
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Thành viên trong Tập đoàn PTSC
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Thành viên trong Tập đoàn PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Thành viên trong Tập đoàn PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	Thành viên trong Tập đoàn PTSC
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Thành viên trong Tập đoàn PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	Thành viên trong Tập đoàn PTSC
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí PVD	Thành viên trong Tập đoàn PV Drilling
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	Thành viên trong Tập đoàn PV Drilling
Chi nhánh Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam	Thành viên trong Tập đoàn PVMR
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Thành viên trong Tập đoàn PVMR
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	Thành viên trong Tập đoàn PVI Holdings
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	Thành viên trong Tập đoàn PV Engineering
MEPCOM Offshore and Marine Pte. Ltd	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	670.373.705.584	509.237.997.218
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)	7.900.000	-
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	987.879.771	6.056.953.685
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	72.937.310
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	422.511.720
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	-	524.583.273
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	10.289.649.413	240.741.378.231
Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	121.671.803.508	134.017.648.017
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	-	86.010.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	74.211.188
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	141.422.184	73.648.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	535.390.533.318	125.705.769.994
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng	1.358.430.000	1.368.819.800
Công trình Dầu khí biển PTSC		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	52.178.000	93.526.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	472.409.390	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	1.500.000	-
Mua hàng hóa, vật tư	58.813.781.531	23.591.818.842
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)	33.294.791.711	-
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	81.036.667	98.668.172
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	800.028.228	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	523.710.000	7.140.457.678
Trường Cao đẳng Dầu khí	2.128.144.000	207.660.000
Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	-	1.260.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	-	3.298.388.510
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	10.432.545
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	7.997.262.112	5.904.442.320
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	88.888.888	40.404.222
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	1.240.000.000
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	26.140.371	123.261.590
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	13.022.235.488	7.280.062.891
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	17.363.638	(2.079.450.492)
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	-	1.950.000
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	305.716.428	324.281.406
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	528.464.000	-
Chi phí tài chính	98.093.152	53.205.480
Ông Lê Đình Công	44.241.096	33.150.685
Ông Lê Minh Phong	53.852.056	20.054.795
Chi phí quản lý doanh nghiệp	128.863.149	683.735.262
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	44.538.891	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	66.041.864	668.144.387
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	18.282.394	15.590.875

Chi phí khác		1.141.385.617	1.200.000
Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro		-	1.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình		1.141.385.617	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt		4.639.231.077	3.427.493.000
Ông Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT	142.000.000	123.200.000
Ông Lim Hau Guan	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Đinh Văn Hưng	Thành viên HĐQT	537.722.000	325.682.000
Ông Trần Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Vũ Phụng	Thành viên HĐQT	528.830.000	200.746.000
	<i>(Bổ nhiệm ngày 20/05/2024)</i>		
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên HĐQT	-	116.732.000
	<i>(Miễn nhiệm ngày 20/05/2024)</i>		
Ông Phan Khắc Mẫn	Giám đốc	697.266.000	381.027.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	619.929.000	536.712.000
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc	522.788.000	303.497.000
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc	460.116.000	353.589.000
Ông Lê Đình Công	Phó Giám đốc	523.340.077	160.568.000
	<i>(Bổ nhiệm ngày 13/08/2024)</i>		
Ông Thái Doãn Tuyết	Phó Giám đốc	-	178.371.000
	<i>(Nghỉ hưu ngày 01/08/2024)</i>		
Bà Nguyễn Thị Thu Anh	Trưởng ban kiểm soát	66.000.000	29.033.000
	<i>(Bổ nhiệm ngày 24/06/2025)</i>		
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng ban kiểm soát	-	278.813.000
	<i>(Miễn nhiệm ngày 16/06/2025)</i>		
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	283.240.000	199.523.000
Bà Vũ Thị Châm	Thành viên BKS	18.000.000	-
	<i>(Bổ nhiệm ngày 16/06/2025)</i>		

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên BCTC năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản cố định vô hình	227	9.564.510.142	3.898.665.523	(5.665.844.619)
- Nguyên giá	228	29.945.824.162	20.203.187.604	(9.742.636.558)
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(20.381.314.020)	(16.304.522.081)	4.076.791.939
Phải trả người bán ngắn hạn (*)	311	550.824.956.142	562.920.226.963	12.095.270.821

	Mã số	Số liệu trên BCTC năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)				
Phải trả ngắn hạn khác (*)	319	15.537.951.952	47.551.018.517	32.013.066.565
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(578.896.802.096)	(628.670.984.101)	(49.774.182.005)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(588.843.733.440)	(638.617.915.445)	(49.774.182.005)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	9.946.931.344	9.946.931.344	-

(*) Điều chỉnh hồi tố liên quan đến chi phí thuê đất tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình
(Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37).

Hoàng Anh
Người lập

Lê Minh Phong
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Phan Khắc Mẫn
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 16/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026 như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025:

a) Số lượng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên tại thời điểm ngày 31/12/2025:

- Số lượng thành viên HĐQT là 5 người (trong đó các Thành viên không chuyên trách là 3 người).

- Số lượng Kiểm soát viên là 03 người (gồm 02 thành viên không chuyên trách).

b) Thù lao, tiền lương, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát.

➤ Hội đồng quản trị là 1.441.400.000 đồng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương Hội đồng quản trị là 1.057.400.000 đồng.

- Quỹ thù lao là: 384.000.000 đồng.

➤ Ban Kiểm soát là 542.904.000 đồng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương Ban Kiểm soát là 454.904.000 đồng.

- Quỹ thù lao là: 88.000.000 đồng.

c) Quỹ tiền lương, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát chuyên trách được Công ty xác định theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD của đơn vị và quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Mức thù lao, tiền lương, phụ cấp của từng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên năm 2025 theo Phụ lục đính kèm.



2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026:

a) Căn cứ xây dựng kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS

- Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (chế độ quy định tại Nghị định áp dụng từ ngày 01/01/2025);

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

- Quy chế tiền lương; Quy định nội bộ hiện hành của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí.

b) Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2026

- Đối với Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách: 12.000.000 đồng/tháng.

- Đối với thành viên HĐQT là đối tác chiến lược/ người đại diện vốn của Mepcom Offshore & Marine Pte. Ltd. tại PVC-MS: 10.000.000 đồng/tháng.

- Đối với thành viên độc lập HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.

- Đối với Trưởng ban Kiểm soát làm việc theo chế độ không chuyên trách: 8.000.000 đồng/tháng.

- Đối với Thành viên BKS làm việc theo chế độ không chuyên trách: 3.000.000 đồng/tháng.

- Quỹ tiền lương của HĐQT là 1.200.000.000 đồng, tương ứng với số lượng thành viên HĐQT là 02 người.

- Quỹ tiền lương của Thành viên BKS chuyên trách là 378.000.000 đồng.

3. Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2026: Chi phí công vụ (gồm, chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.



Vũ Minh Công

LƯƠNG, PHỤ CẤP, THÙ LAO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Stt	Họ tên	Chức danh	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025 (đồng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		1.414.872.000	1.441.400.000	
1	Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	144.000.000	144.000.000	Thù lao
2	Đình Văn Hưng	Thành viên HĐQT	515.436.000	528.700.000	Chuyên trách
4	Trần Vũ Phương	Thành viên HĐQT	515.436.000	528.700.000	Chuyên trách
5	Trần Minh Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập	120.000.000	120.000.000	Thù lao
6	Lâm Hậu Guan	Thành viên HĐQT không chuyên trách	120.000.000	120.000.000	Thù lao
II	Ban Kiểm soát		724.500.000	542.904.000	
1	Nguyễn Thị Thu Anh	Trưởng BKS không chuyên trách	36.000.000	68.500.000	Thù lao
2	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS	388.500.000	181.208.000	Chuyên trách
3	Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	300.000.000	273.696.000	Chuyên trách
5	Vũ Thị Châm	Thành viên BKS không chuyên trách		19.500.000	Thù lao
	Tổng cộng		2.139.372.000	1.984.304.000	

Bà Nguyễn Thị Thu Anh thôi Thành viên Ban Kiểm soát và bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 16/6/2025.

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 16/6/2025.

Bà Vũ Thị Châm bổ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 16/6/2025.



KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP/THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Stt	Họ tên	Chức danh	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ/ tháng	Lương điều chỉnh/ tháng	Qttdc (đ)	Qpc (đ)	Qtldc (đ)	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành KH dự kiến	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị					924.000.000	144.000.000	516.000.000	1.584.000.000	100%	
1	Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách				144.000.000			144.000.000	100%	Thù lao
2	Đình Văn Hưng	Thành viên HĐQT	15	6.000.000	21.500.000	270.000.000	72.000.000	258.000.000	600.000.000	100%	Chuyên trách
3	Trần Vũ Phương	Thành viên HĐQT	15	6.000.000	21.500.000	270.000.000	72.000.000	258.000.000	600.000.000	100%	Chuyên trách
4	Trần Minh Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập				120.000.000			120.000.000	100%	Thù lao
5	Lâm Hậu Guan	Thành viên HĐQT không chuyên trách				120.000.000			120.000.000	100%	Thù lao
II	Ban Kiểm soát					303.000.000	36.000.000	171.000.000	510.000.000	100%	
1	Nguyễn Thị Thu Anh	Trưởng BKS không chuyên trách				96.000.000	-	-	96.000.000	100%	Thù lao
2	Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	9,5	3.000.000	14.250.000	171.000.000	36.000.000	171.000.000	378.000.000	100%	Chuyên trách
3	Vũ Thị Châm	Thành viên BKS không chuyên trách				36.000.000			36.000.000	100%	Thù lao
	Tổng cộng					1.227.000.000	180.000.000	687.000.000	2.094.000.000		

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ
Số: ...69.../TTTr-KCKL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi và bổ sung) đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, cụ thể:


- Thông qua danh sách 03 (ba) Công ty Kiểm toán độc lập gồm có:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt;
3. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn và bổ nhiệm một trong ba Công ty Kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính năm 2026 theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT, TCKT.



Vũ Minh Công

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số: 100...../TTTr-KCKL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026.

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi **khoản 1 Điều 2 - “Tên viết tắt”** và **khoản 3 Điều 2 - “Trụ sở đăng ký của Công ty”** của Công ty, cụ thể:

a) Tên viết tắt:

- Nội dung cũ: “Tên viết tắt: PVC-MS”.

- Nội dung mới sau sửa: “Tên viết tắt: PETROCONS-MS”.

b) Trụ sở đăng ký công ty:

- Nội dung cũ: “Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thảng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Việt Nam”.

- Nội dung mới sau sửa: “Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam”.

2. Thông qua việc sửa đổi **khoản 1 Điều 26 - “Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT”**, cụ thể:

- Nội dung cũ: “Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người”.

- Nội dung mới sau sửa: “Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 07 người. Số lượng Thành viên HĐQT cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định”.



3. Giao Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các thủ tục hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ theo đúng quy định để triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công



Số: *101*.../TTTr-KCKL-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày *09* tháng *6* năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án kiện toàn thành viên
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ các văn bản đề cử/ ứng cử ứng viên để Đại hội đồng cổ đông bầu cử thành viên HĐQT, BKS của các cổ đông/ nhóm cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung cụ thể như sau:

I. Kiện toàn Thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu : 01 thành viên
- Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT : 05 năm (2026-2031)
- Về ứng cử: PVC-MS không nhận được hồ sơ ứng cử nào của cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ Công ty.
- Về đề cử: PVC-MS nhận được 01 văn bản của cổ đông là tổ chức - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) – Văn bản số 96/XLDK-HĐQT ngày 09/6/2026 với số cổ phần hiện đang sở hữu là 30.584.533 cổ phần chiếm tỷ lệ 50,97% vốn điều lệ PVC-MS (*văn bản đính kèm*).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua danh sách nhân sự Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

1. Ông Phan Khắc Mẫn Thành viên HĐQT
(*hồ sơ lý lịch đính kèm*)

II. Kiện toàn Thành viên Ban kiểm soát:

1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:
 - Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Hoàng Văn Hải.
2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031:
 - Số lượng thành viên BKS cần bầu : 01 thành viên
 - Nhiệm kỳ của thành viên BKS : 05 năm (2026 - 2031)



3. Thông qua ứng viên Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031:

- Về ứng cử: PVC-MS không nhận được hồ sơ ứng cử nào của cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ Công ty.

- Về đề cử: PVC-MS nhận được 01 văn bản của cổ đông là tổ chức - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) – Văn bản số 96/XLDK-HĐQT ngày 09/6/2026 với số cổ phần hiện đang sở hữu là 30.584.533 cổ phần chiếm tỷ lệ 50,97% vốn điều lệ PVC-MS (văn bản đính kèm).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách nhân sự Thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

1. Ông Lê Minh Phong TV Ban Kiểm soát
(hồ sơ lý lịch đính kèm)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội xem xét, biểu quyết thông qua đề Đại hội tiến hành công tác bầu cử.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



Vũ Minh Công



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2026

Số: 96 /XLDK-HĐQT

V/v: Nhân sự tham gia Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát PVC-MS nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS);

Căn cứ Nghị quyết số 63-NQ/ĐU ngày 08/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy và Nghị quyết số 95/NQ-XLDK ngày 09/6/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS) về việc Chấp thuận sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động và phê duyệt phương án nhân sự của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu khí (PVC-MS).

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông báo tới Đại hội đồng cổ đông PVC-MS về việc giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát PVC-MS nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể như sau:

1. Giới thiệu ông Phan Khắc Mẫn, sinh ngày 01/01/1983, Người đại diện của PETROCONS, Giám đốc PVC-MS đề Đại hội đồng cổ đông PVC-MS bầu làm thành viên Hội đồng quản trị PVC-MS nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Hoàng Văn Hải, sinh ngày 20/9/1967 theo nguyện vọng cá nhân.

3. Giới thiệu ông Lê Minh Phong, sinh ngày 03/8/1978 đề Đại hội đồng cổ đông PVC-MS bầu làm Thành viên Ban kiểm soát PVC-MS nhiệm kỳ 2026-2031

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông PVC-MS thực hiện thủ tục về nhân sự nêu trên theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTVĐU, HĐQT, Ban KS, Ban TGD (e-copy);
- NDDPV của TCT tại PVC- MS (đề t/h);
- Lưu VT, HĐQT, TCHC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Huy

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Số hiệu cán bộ, công chức



- 1) Họ và tên khai sinh: **PHAN KHẮC MÃN** Giới tính: *Nam*
2) Các tên gọi khác: *Không*
3) Cấp uỷ hiện nay: *Bí thư Đảng ủy Công ty, Ủy viên BCH Đảng ủy Tổng Công ty*
4) Chức vụ (chính quyền): *Giám đốc Công ty*
4) Sinh ngày: *01 tháng 01 năm 1983*

- 5) Nơi sinh: *Xã Cồn Tiên, Tỉnh Quảng Trị*
6) Quê quán: *Xã Điện Sinh, Tỉnh Quảng Trị*
7) Nơi ở hiện nay: *855/A35 Bình Giã, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh Đ/thoại: 0913 459 729*
8) Dân tộc : *Kinh.*
9) Tôn giáo: *Không.*
10) Thành phần gia đình xuất thân: *Bản nông*
11) Nghề nghiệp bản thân trước khi được tuyển dụng: *Kỹ sư Cơ khí*
12) Ngày được tuyển dụng: *7/2007* vào cơ quan nào, ở đâu: *Công ty Cổ phần Lilama 18*
13) Ngày vào ngành dầu khí: *5/2011* - Ngày vào cơ quan đang công tác: *5/2011*
14) Ngày vào Đảng cộng sản Việt Nam: *25/08/2017* Ngày chính thức: *25/8/2018*
15) Ngày tham gia các tổ chức chính trị, xã hội: *26/3/1998 tham gia Đoàn TNCS Hồ Chí Minh*
16) Ngày nhập ngũ: *Không* Ngày xuất ngũ: *Không*, Quân hàm, chức vụ cao nhất: *Không*
17) Trình độ học vấn: Giáo dục phổ thông: *12/12*
- Học hàm, học vị cao nhất: *Kỹ sư*
- Lý luận chính trị: *Sơ cấp* - Ngoại ngữ: *C Tiếng Anh*
18) Công tác chính đang làm: *Quản lý điều hành*
19) Ngạch công chức: Hưởng theo chức vụ Mã ngạch:
Bậc lương: *2/3* hệ số: *17.0* từ tháng: *8/2024* Phụ cấp chức vụ: *Không*
20) Danh hiệu được phong (năm nào): *Không*
21) Sở trường công tác: *Quản lý điều hành, Quản lý dự án, Chỉ huy công trường; Công tác đã làm lâu nhất: Chỉ huy công trường, Thi công công trình cơ khí.*
22) Khen thưởng: *Bằng khen Công đoàn dầu khí năm 2016, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí năm 2015*
23) Kỷ luật: *Không*
24) Tình trạng sức khoẻ: *Tốt* Cao: *1,72m*, Cân nặng: *65 kg*, Nhóm máu: *O*
25) Số căn cước công dân: *045083000180* Ngày cấp: *29/09/2022* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*
Thương binh loại: *Không* Gia đình liệt sỹ: *Không*
Số Sổ BHXH: *4520335754*



26) ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NGOẠI NGỮ

Tên trường	Ngành học hoặc tên lớp học	Từ tháng, năm đến tháng, năm	Hình thức học	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
Đại học Bách khoa Đà Nẵng	Lớp 02C1C- Khoa Cơ khí	2002-2007	Chính quy	Kỹ sư
Viện phát triển Quốc tế học	Nghiệp vụ chỉ huy trường công trường	8-2012	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Viện phát triển Quốc tế học	Quản lý dự án theo hình thức EPC	10-2013	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Sở xây dựng	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	10-2017	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Viên đào tạo STEC	Quản trị doanh nghiệp	15/9-16/9/2022	Bồi dưỡng	Chứng chỉ

27) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,.....
Từ tháng 7 năm 2007 đến tháng 7 năm 2009	<ul style="list-style-type: none"> • Làm việc cho Công ty Cổ Phần Lilama18; Dự án: Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất - Từ tháng 7 năm 2007 đến tháng 2 năm 2009 Giám sát thi công lắp đặt Pipe-rack, Piping, Thiết bị tại Cảng xuất thành phẩm Jetty Topside. - Từ tháng 3 năm 2009 đến tháng 7 năm 2009 Giám sát chạy thử tại Nhà máy chính.
Từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 3 năm 2011.	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ Phần Lilama18 Dự án: Kho Xăng Dầu Ngoại Quan Vân Phong-Khánh Hòa. - Quản lý Công trường (Construction manager) 12 bồn trụ, hệ thống Piping và thiết bị kết nối liên quan.
Từ 4/2011- 17/5/2011	Làm việc tự do
Từ 18/5/2011 đến hết tháng 6 năm 2011	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ Phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu Khí (PVC-MS); Dự án: Chân đế RC7 - Từ tháng 18/5/2011 đến tháng 6 năm 2011 được giao nhiệm vụ Giám sát thi công chân đế
Từ tháng 7-2011 đến tháng 3-2013	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ Phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu Khí (PVC-MS); Dự án: Kho lạnh LPG Thị Vải - Chỉ huy trường phụ trách công trình Kho lạnh LPG Thị Vải- XN xây lắp 1
Tháng 4-2013 đến 5-2013	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ Phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu Khí (PVC-MS); Dự án: Sư tử vàng đồng bắc - Giám sát thi công Topside - Xí nghiệp xây lắp 1
Tháng 06-2013 đến 10-2013	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ Phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu Khí (PVC-MS); - Cán bộ kỹ thuật phòng Kinh tế đấu thầu.
Tháng 10-2013 đến 7/2020	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ Phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu Khí (PVC-MS); - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái bình 2 và trải qua các vị trí như sau: + 10/2013: Phó ban ĐHDA Phía Bắc + 6/4/2015: Trưởng ban ĐHDA Phía Bắc + 20/2/2017: Giám đốc Xí nghiệp XL3 kiêm Trưởng ban ĐHDA Phía Bắc + 25/01/2018: Đội trưởng Đội XL3 kiêm Trưởng ban ĐHDA Phía Bắc
Tháng 8/2020 đến 5/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ Phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu Khí (PVC-MS) UVBCH Đảng ủy Công ty; Phó giám đốc Công ty
Từ 1/6/2022 đến 21/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ Phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu Khí (PVC-MS) UVBCH Đảng ủy Công ty; Phó giám đốc phụ trách Công ty



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1) Họ và tên khai sinh: **LÊ MINH PHONG** Giới tính: Nam

2) Các tên gọi khác: Không

3) Cấp uỷ hiện nay: Cấp uỷ kiêm:

4) Sinh ngày: **03 tháng 08 năm 1978**

5) Nơi sinh: Đức Quang, Hà Tĩnh

6) Quê quán: Đức Quang, Hà Tĩnh

7) Nơi ở hiện nay: 127/12/25 Phạm Hồng Thái, Phường Tam Thắng, TP.HCM

Đ/telefono: 0385030878

8) Dân tộc : Kinh 09) Tôn giáo: Không

10) Thành phần gia đình xuất thân: Viên chức nhà nước.

11) Nghề nghiệp bản thân trước khi được tuyển dụng: Tài chính ngân hàng.

12) Ngày được tuyển dụng: 20/10/2002 vào cơ quan nào, ở đâu: Tài chính Dầu khí – Vũng Tàu.

13) Ngày vào ngành dầu khí: 20/10/2002 Ngày vào cơ quan đang công tác: 21/10/2022.

14) Ngày vào Đảng cộng sản Việt Nam: 12/12/2012 Ngày chính thức: 12/12/2013.

15) Ngày tham gia các tổ chức chính trị, xã hội:

16) Ngày nhập ngũ: Ngày xuất ngũ: Quân hàm, chức vụ cao nhất

17) Trình độ học vấn: Đại học Giáo dục phổ thông: 12/12

- Học hàm, học vị cao nhất: Đại học.

- Lý luận chính trị: Sơ cấp - Ngoại ngữ: Anh văn

18) Công tác chính đang làm: Quản lý, điều hành công tác tài chính, kế toán của Công ty

19) Ngạch công chức:

Mã ngạch: KTT, Trưởng ban KS

Bậc lương: 2/3 hệ số: 12.5 từ tháng 9/2025 Phụ cấp chức vụ:

20) Danh hiệu được phong (năm nào): Không

21) Sở trường công tác: Tài chính, Đào tạo Công tác đã làm lâu nhất: Tài chính

22) Khen thưởng: Không

23) Kỷ luật: Không

24) Tình trạng sức khoẻ: Tốt Cao: 173 cm Cân nặng: 80 kg Nhóm máu: O

25) Số căn cước công dân: 042078002245 Ngày cấp: 25/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát

Thương binh loại: Không Gia đình liệt sỹ: Không

Số Sổ BHXH: 0104063441 Ngày cấp: 4/12/2001 Nơi cấp:



26) ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NGOẠI NGỮ

Tên trường	Ngành học hoặc tên lớp học	Từ tháng, năm đến tháng năm	Hình thức học	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì?
Đại học Thủy Lợi Hà Nội	39K. Khoa Kinh Tế	1997-2002	Chính quy tập trung	Kỹ sư
Đại học Quốc Gia Tp. HCM	K5404. Khoa Tài chính Ngân hàng	2007-2009	Chính quy tập trung	Cử nhân
Học Viện Tài chính	Bồi dưỡng Kế Toán trưởng Doanh nghiệp	01/11/2022-10/12/2022	Bồi dưỡng chính quy	Chứng chỉ Bồi dưỡng KTT

27) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ tháng, năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
10/2002-06/2005	CV Kinh doanh – Công ty Tài chính Dầu khí CN Vũng Tàu.
07/2005-05/2007	Cán bộ Tín dụng – Công ty Tài chính Dầu khí CN Vũng Tàu.
06/2007-11/2009	Trưởng phòng Tín dụng các Tổ chức kinh tế – Công ty Tài chính Dầu khí CN Vũng Tàu.
12/2009-06/2011	Trưởng phòng Thẩm Định và Quản trị rủi ro – Công ty Tài chính Dầu khí CN Vũng Tàu.
07/2011-09/2013	Giám đốc Trung tâm Giao dịch – Công ty Tài chính Dầu khí CN Vũng Tàu.
10/2013-08/2014	Phó giám đốc Ngân hàng Phương Tây.
09/2014-12/2015	Phó ban trụ bị thành lập CN PVCombank Tân Thành. BRVT Phó giám đốc chi nhánh PVCombank,
12/2015-01/2016	Phó phòng Tổ chức hành chính – Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.
01/2016-06/2016	Phó phòng Phụ Trách phòng TCHC – Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.
06/06/2016 đến 03/2020	Trưởng phòng - Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.
03/2020 đến 11/2020	Giám đốc CBBank Sao mai
12/2020 đến 4/2022	Kinh doanh tự do
5/2022 đến 11/2022	Giám đốc Chi nhánh Cty TNHHMTV tư vấn đầu tư GFDI VT
11/2022 đến 06/2023	Phó Phòng Tài chính Kế toán – Cty Cp Kết cấu Kim loại và lắp máy Dầu khí
07/2023 đến 09/2025	Phó Phòng Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán – Cty Cp Kết cấu Kim loại và lắp máy Dầu khí
Từ 09/2025 Đến nay	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Kế Toán Trưởng– Cty Cp Kết cấu Kim loại và lắp máy Dầu khí

QUY CHẾ BẦU CỬ

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PVC-MS

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí tiến hành bầu bổ sung Thành viên HĐQT, Thành viên BKS theo quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày 14/04/2026.

Điều 2. Số lượng Thành viên HĐQT cần bầu: 01 người; Số lượng Thành viên BKS cần bầu: 01 người.

Điều 3. Nguyên tắc bầu cử, bỏ phiếu và kiểm phiếu bầu:

- Việc bầu cử Thành viên HĐQT, Thành viên BKS tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông; Hướng dẫn thủ tục bỏ phiếu và cách ghi phiếu bầu cử;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

Điều 4. Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu:

1. Phiếu bầu cử:

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội sẽ được phát 01 phiếu bầu cử Thành viên HĐQT và 01 phiếu bầu cử Thành viên BKS. Phiếu **màu vàng**: bầu cử HĐQT; Phiếu **màu hồng**: bầu cử BKS.

- Phiếu bầu cử Thành viên HĐQT, Thành viên BKS được in sẵn tên các ứng viên theo thứ tự A, B, C... có mã số cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, số lượng cổ phần được ủy quyền đại diện, tổng số lượng cổ phần có quyền bầu cử và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí.

2. Cách ghi phiếu bầu:

- Cổ đông bầu cho ứng viên nào thì ghi số lượng phiếu bầu cho người đó;

- Không bầu cho ứng viên nào thì để trống tại ô số phiếu bầu;
- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu có quyền bầu ghi trên phiếu;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu hủy phiếu bầu đó và đổi phiếu bầu mới khác.

3. Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty phát hành và không có dấu Công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có số phiếu bầu cho các ứng viên vượt quá tổng số phiếu có quyền bầu ghi trên phiếu hoặc không bầu cho bất kỳ ứng viên nào;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.

Điều 5. Cách thức bầu cử:

1) Thẻ lệ bầu cử:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Tổng số quyền bầu cử của cổ đông được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tổng số quyền bầu cử} = \text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện} \times \text{Số thành viên được bầu}$$

- Cổ đông có quyền sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình cho một ứng viên; hoặc một số ứng viên với số lượng bầu cho mỗi ứng viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần quyền bầu còn lại cho bất kỳ ứng viên nào. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

- Thực chất việc bầu cử là phân phối toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó.

2) Hướng dẫn bầu cử:

- Tại Đại hội cổ đông lần này chỉ bầu bổ sung **thêm 01** Thành viên HĐQT trong số **03 ứng viên** già sử được giới thiệu (hoặc có thể số ứng viên được giới thiệu nhiều hơn) thì mỗi cổ đông (hoặc đại diện cổ đông) chỉ được phân phối phiếu bầu **tối đa cho 01** ứng viên.

Ví dụ: Cổ đông A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền đại diện): 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông A là: (1.000 x 1) = 1.000 phiếu bầu. Cổ đông A có thể bầu dồn phiếu như sau:

- Trường hợp 1: Cổ đông A dồn hết số phiếu bầu của mình cho 01 trong số các ứng viên (trường hợp bên dưới là dồn hết cho ứng viên 1):

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	1.000



2.	Ứng viên 2	
3.	Ứng viên 3	

- **Trường hợp 2:** Cổ đông A chia tổng số phiếu bầu của mình cho 03 ứng viên không bằng nhau:

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	500
2.	Ứng viên 2	300
3.	Ứng viên 3	200

- **Trường hợp 3:** Cổ đông A chỉ bỏ phiếu bầu của mình cho 02 ứng viên nhưng không đều nhau:

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	800
2.	Ứng viên 2	200
3.	Ứng viên 3	

- **Trường hợp 4:** Cổ đông A chỉ bầu một phần số phiếu bầu của mình (700 phiếu) trong tổng số có quyền bầu (1.000 phiếu) cho một hoặc một vài ứng viên, trường hợp bên dưới là bầu cho 02 ứng viên 2 và 3:

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1.	Ứng viên 1	
2.	Ứng viên 2	400
3.	Ứng viên 3	300

** Việc bầu Thành viên Ban kiểm soát cũng được thực hiện tương tự như bầu Thành viên HĐQT.*

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử Thành viên HĐQT, BKS Công ty:

- Ứng viên trúng cử Thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau, người có số phiếu cao nhất sẽ trúng cử, nếu vẫn bằng nhau thì tiếp tục bầu lại cho đến khi tìm được người có số phiếu cao nhất.

- Các vấn đề phát sinh (nếu có), Đoàn chủ tịch sẽ xin ý kiến Đại hội thảo luận và quyết định.

Điều 7. Lập và công bố kết quả kiểm phiếu:

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành Biên bản, nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu phát ra/ thu về, số phiếu hợp lệ/ không hợp lệ; số phiếu biểu quyết cho ứng viên Thành viên HĐQT, BKS;

- Trưởng Ban kiểm phiếu có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu cho Chủ tọa và Ban Thư ký, đồng thời công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.



Điều 8. Điều khoản thi hành:

- Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu tại Đại hội sẽ do Chủ tọa cuộc họp xin ý kiến Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.
- Quy chế này gồm có 08 điều, được đọc công khai trước Đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được ĐHĐCD thường niên năm 2026 biểu quyết thông qua.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Minh Công





CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ
PETROLEUM EQUIPMENT ASSEMBLY & METAL STRUCTURE JSC

Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +(84) 254-3848229 | Fax: +(84) 254-3848404

Website: www.pvc-ms.vn | Email: sales@pvc-ms.vn

Address: 02 Nguyen Huu Canh Str, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +(84) 254-3848229 | Fax: +(84) 254-3848404

Website: www.pvc-ms.vn | Email: sales@pvc-ms.vn